

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ NGUYỄN PHÚC
(1961-2015)**

The first part of the paper discusses the importance of the research and the objectives of the study. It then presents a literature review of the existing research on the topic. The methodology section describes the research design and the data collection process. The results section presents the findings of the study, and the conclusion section summarizes the main points and provides recommendations for future research.

The study was conducted in a laboratory setting, and the data were collected using a series of experiments. The results of the experiments were analyzed using statistical methods, and the findings were compared with the results of previous studies. The study found that the research objectives were achieved, and the results were consistent with the hypotheses.

The study has several limitations, and there are some areas for future research. The study was limited to a specific population, and the results may not be generalizable to other populations. The study also used a specific methodology, and the results may be different if a different methodology was used. Future research should aim to address these limitations and explore the topic further.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NGUYỄN PHÚC
HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN**

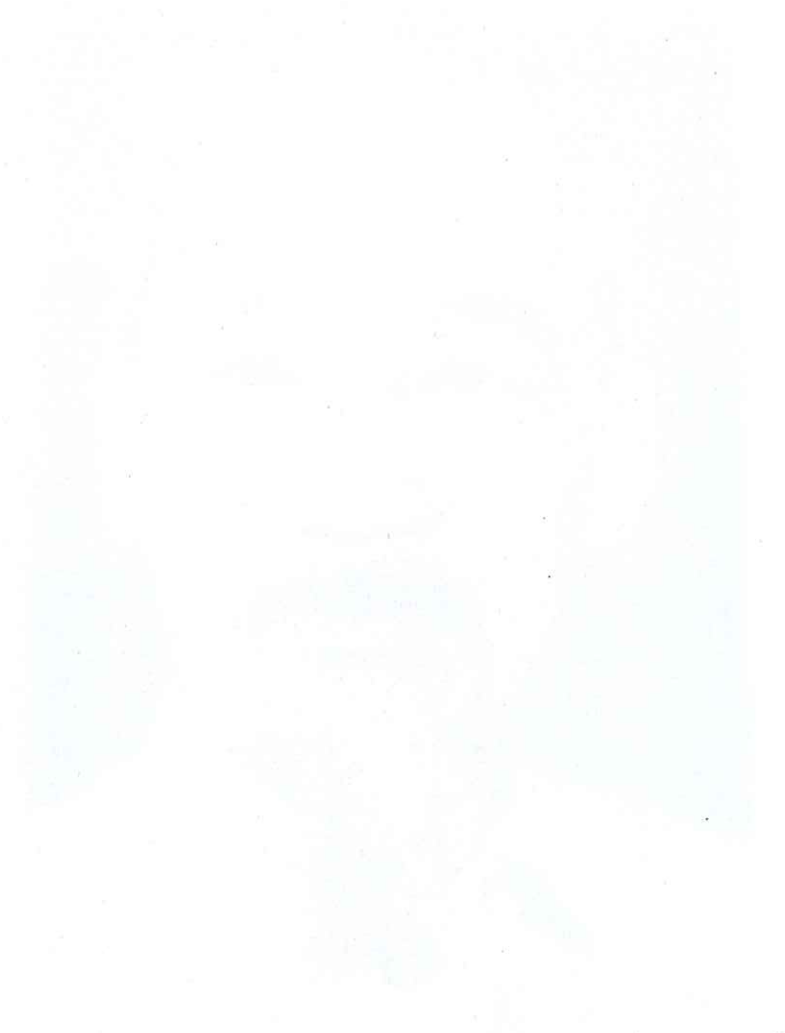
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ NGUYỄN PHÚC
(1961-2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
(2105-1000)



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA



THE
WORLD
MAP

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đinh Xuân Bằng

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Triệu Văn Khoa

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó ban

Triệu Đức Tuấn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Phó ban

Triệu Nguyễn Luyện

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

Lý Văn Thuấn

Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Triệu Văn Khoa

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Lường Đắc Lực

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Phó ban

Triệu Nguyễn Luyện

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

Hoàng Mạnh Thường

Chủ tịch Hội Nông dân xã - Ủy viên

Triệu Thị Ong

Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã - Ủy viên

Lý Thị Mơ

Bí thư Đoàn Thanh niên xã - Ủy viên

Lường Xuân Thượng

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

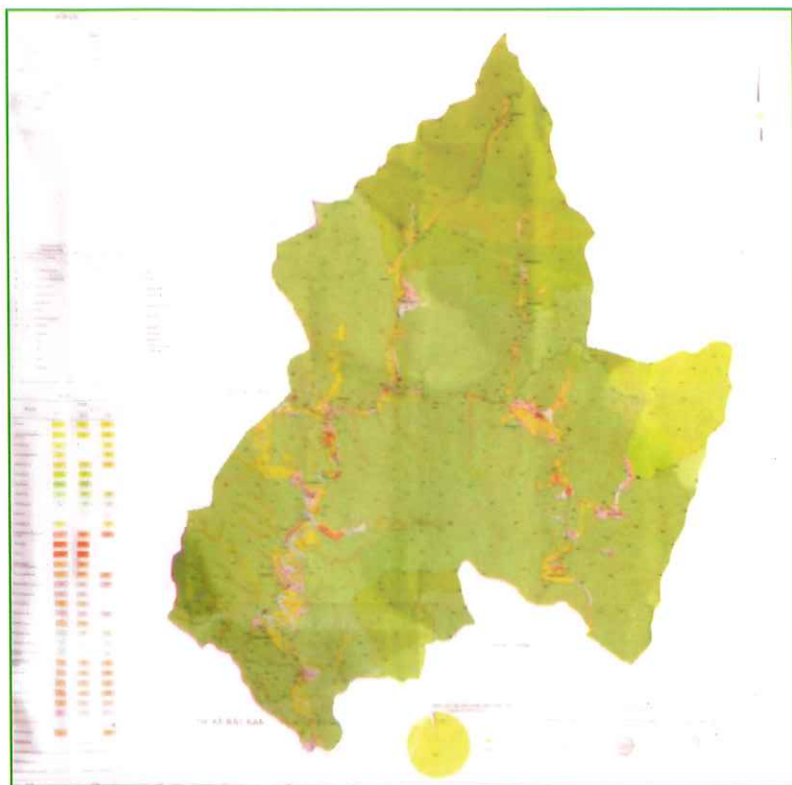
Thạc sĩ Lịch sử: Nguyễn Thanh Hải

Thạc sĩ Lịch sử: Đoàn Văn Trường

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thị Huyền

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thanh Tùng

Cố vấn khoa học: PGS.TS Phạm Xuân Mỹ



Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 xã Nguyễn Phúc



Ban Chỉ đạo biên soạn



Ban Sưu tầm tư liệu



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Nguyễn Phúc (1961-2015)



Các đại biểu tham dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Nguyễn Phúc (1961-2015)



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân





LỜI GIỚI THIỆU

Xã Nguyên Phúc nằm ở phía đông nam huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc luôn kiên cường bám đất, giữ bản, hăng say trong lao động sản xuất, anh dũng trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Đặc biệt, từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, truyền thống anh dũng kiên cường của nhân dân Nguyên Phúc được phát huy cao độ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc năm 1945, vùng đất Nguyên Phúc là căn cứ, hậu cứ bí mật của cách mạng: nơi tập kết của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, du kích đánh Nhật, Pháp ở thị xã Bắc Kạn, Nà Tu (Cẩm Giàng); nơi sơ tán an toàn của các kho, xưởng vũ khí... Nhân dân và các lực lượng vũ trang Nguyên Phúc đã tham gia bảo vệ an toàn cho các hậu cứ, giữ bí mật cho hàng trăm cán bộ Việt Minh đến hoạt động cách mạng; chăm sóc và cứu chữa thương bệnh binh, tiếp tế lương thực thực phẩm cho bộ đội...

Tiếp nối truyền thống anh hùng cách mạng, trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân

Nguyên Phúc luôn đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ: chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và ra sức phát triển sản xuất kinh tế, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam. Với những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, năm 2005, xã Nguyên Phúc đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc tiếp tục vươn lên xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc. Đặc biệt, từ sau Đại hội VI của Đảng (12-1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, nhân dân Nguyên Phúc tích cực thực hiện đường lối đổi mới đất nước, trọng tâm là phát triển kinh tế. Trải qua gần 30 năm, giờ đây diện mạo nông thôn Nguyên Phúc đã có nhiều thay đổi, đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước.

Nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về công tác sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ các cấp, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 2015-2020 ban hành Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn **“Lịch sử Đảng bộ xã Nguyên Phúc 1961-2015”**.

Nội dung cuốn sách được biên soạn một cách khách quan, khoa học theo trình tự diễn biến thời gian, ghi lại các sự kiện diễn ra tại xã từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập cho đến năm 2015. Qua đó, rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo

phong trào cách mạng ở địa phương; động viên khích lệ toàn Đảng, toàn dân thi đua sản xuất, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nguyễn Phúc trân trọng cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông, các bậc lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình khoa học **“Lịch sử Đảng bộ xã Nguyễn Phúc 1961-2015”**.

Mặc dù Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Chỉ đạo, Ban Suru tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - biên soạn đã có nhiều cố gắng, nhưng do tài liệu lưu trữ, các nhân chứng lịch sử qua thời gian đã mai một nhiều, nên cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng bạn đọc góp ý, bổ sung, cung cấp tư liệu để khi tái bản cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

T/M. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
XÃ NGUYỄN PHÚC

Bí thư

Đinh Xuân Bằng

Chương I

NGUYÊN PHÚC - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Nguyên Phúc là một trong 17 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện 11km về phía đông nam, cách thành phố Bắc Kạn 11km về phía đông bắc. Xã có địa giới hành chính: phía bắc giáp các xã Tân Tiến và Quân Bình; phía nam giáp xã Huyền Tung (thành phố Bắc Kạn) và xã Mỹ Thanh; phía tây giáp các xã Cẩm Giàng và Quân Bình; phía đông giáp xã Sỹ Bình và xã Cao Sơn.

Xã Nguyên Phúc thuộc khu vực miền núi phía Bắc, do đó, địa hình của xã chủ yếu là núi cao bao quanh những cánh đồng nhỏ hẹp chạy dọc theo các con suối. Độ cao trung bình từ 120-1.130m.

Khí hậu ở Nguyên Phúc mang đặc trưng của vùng nhiệt đới gió mùa, một năm có hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 21,5°C, lúc cao nhất là 37°C, lúc thấp nhất xuống đến 5°C. Lượng mưa

trung bình 1.586 mm/năm, tập trung chủ yếu vào tháng 6 và tháng 7. Tổng số giờ nắng là 1.554,7 giờ. Độ ẩm không khí trung bình 84%. Nhìn chung, khí hậu ở Nguyên Phúc tương đối thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, do đặc điểm là xã vùng cao nên mùa đông ở đây thường có sương mù, mưa phùn, thời tiết hanh khô, hạn hán. Do địa hình cao, độ dốc lớn nên vào mùa mưa thường có lũ cuốn, lũ quét làm xói mòn, sạt lở đất.

Hệ thống thủy văn của Nguyên Phúc khá phong phú, trên địa bàn xã có hai suối chính là Nguyên Phúc và Năm Bó (thôn Nam Yên). Bên cạnh đó còn có các khe nhỏ, lưu lượng nước chảy theo mùa, mật độ thủy văn đa dạng. Đây là nguồn nước chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Xã Nguyên Phúc có nguồn tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là đất đai. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 4.742,92ha với 4 nhóm đất chính: Đất thủy thành, đất địa thành, đất feralit và đất phù sa. Trong đó, đất thủy thành là loại đất tích tụ phù sa của các con suối, có tỉ lệ mùn cao, tầng canh tác dày, hàm lượng đạm, lân, kali ở mức trung bình thích hợp với các loại cây lương thực và cây hoa màu. Đất địa thành được hình thành từ nhiều loại đá mẹ khác nhau ở những nơi có độ dốc lớn, độ ẩm cao, tỷ lệ mùn lớn, đất có thành phần cơ giới nặng, thích hợp với cây công nghiệp lâu năm và cây lâm nghiệp. Đất feralit vàng, xám có thành phần cơ giới nặng, tỷ lệ mùn cao, hàm lượng lân, kali cao thích hợp cho trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả. Đất phù sa suối ngòi có thành phần cơ giới nhẹ, tỷ lệ mùn và đạm trong đất cao,

hàm lượng sắt và nhôm di động cao, thích hợp với cây lúa và cây ngắn ngày khác.

Tài nguyên rừng của xã, theo số liệu năm 2011 có 4.326,98ha, chiếm 91,23% diện tích đất tự nhiên, trong đó rừng sản xuất có 3.175,95ha, còn lại là rừng phòng hộ. Rừng trồng chủ yếu là mỡ, keo, bồ đề... một phần đã cho khai thác. Trong rừng tự nhiên, cây gỗ quý và động vật quý hiếm hầu như không còn.

Với những nguồn lực về tự nhiên: khí hậu, đất đai, rừng và nước, xã Nguyên Phúc có tiềm năng lớn trong phát triển lâm nghiệp và nông nghiệp theo hình thức canh tác vườn đồi, gia trại, trang trại. Tuy nhiên, xã cũng có khó khăn: diện tích đất nông nghiệp đưa vào sử dụng không lớn, quỹ đất để phát triển xây dựng ít...

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tính đến năm 2015, xã Nguyên Phúc có 484 hộ với 1.960 nhân khẩu. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 1,33%, gia tăng cơ học là 0,45%. Xã có 6 dân tộc gồm Tày, Dao, Hoa, Thái, Nùng, Kinh, sinh sống tại 11 thôn bản: Nà Muồng, Cánh Lò, Nam Yên, Khuổi Bốc, Khuổi Ổ, Ngoàn, Nà Cà, Quăn, Nà Rào, Nà Lốc, Pác Thiên.

Số người trong độ tuổi lao động của xã là 1.228 người, chiếm tỉ lệ 62,65%. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nông, lâm nghiệp chiếm đa số 92,06%, còn lại là lao động trong các ngành tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 3,19%, thương mại - dịch vụ chiếm 4,75%.

Xã Nguyên Phúc có hệ thống giao thông tương đối hoàn thiện. Đến năm 2015, có 20% tuyến đường được cứng hóa.

Hệ thống điện của xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện lực, 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn. Hệ thống thủy lợi có 50% số mương được cứng hóa, đáp ứng được phần lớn nhu cầu tưới tiêu nước cho nông nghiệp. Mỗi năm, chính quyền đã huy động hàng ngàn ngày công để nạo vét, tu sửa mương, phai nội đồng, quản lý và bảo vệ an toàn các tuyến mương để phục vụ phát triển sản xuất.

Đảng ủy và chính quyền xã Nguyên Phúc luôn quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục. Cơ sở vật chất nhà trường và chất lượng giáo dục ngày càng tăng. Đến năm 2015, xã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các bậc học đều đạt từ 95% trở lên.

Trạm y tế xã đã phổ cập đội ngũ y tế đến từng thôn bản. Mặc dù, trang thiết bị y tế còn thiếu nhưng trạm y tế xã luôn cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu về khám chữa bệnh cho nhân dân. Các chương trình y tế Quốc gia, chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện đầy đủ, công tác phòng bệnh được quan tâm, hàng năm không có dịch bệnh nào xảy ra.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành

Lịch sử xã Nguyên Phúc nói riêng và huyện Bạch Thông nói chung đã có từ lâu đời. Tại địa phận xã Cẩm Giàng (liền kề với xã Nguyên Phúc), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy khá nhiều rìu và búa đá của những cư dân

người Tày cổ, chứng tỏ sự xuất hiện của con người từ xa xưa trên mảnh đất này. Theo sách “*Đại Nam nhất thống chí*”, thời kỳ các vua Hùng dựng nước, địa bàn huyện Bạch Thông (ngày nay) thuộc bộ Vũ Định. Trong thời kỳ Bắc thuộc lúc nằm trong quận Giao Chỉ, khi thuộc Châu Long rồi châu Vũ Nga¹.

Thời nhà Lý (1009-1225), địa phận của vùng đất Nguyên Phúc thuộc châu Thái Nguyên. Năm 1397, nhà Trần đổi châu Thái Nguyên thành trấn Thái Nguyên. Đầu thời Lê Sơ (1428), vua Lê Thái Tổ cho chia cả nước thành 5 đạo, Thái Nguyên thuộc bắc đạo. Năm Hồng Đức thứ hai (1471), vua Lê Thánh Tông thực hiện cải cách hành chính, chia cả nước thành 12 thừa tuyên, địa phận xã Nguyên Phúc thuộc châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, thừa tuyên Thái Nguyên.

Năm 1831, vua Minh Mạng (nhà Nguyễn) tiến hành cải cách hành chính toàn quốc, chia nước ta thành 1 phủ và 30 tỉnh. Lúc này, địa phận xã Nguyên Phúc nằm trong xã Quân Bằng, tổng Hà Vị², châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi hoàn thành đánh chiếm các tỉnh Đông Bắc, thực dân Pháp đặt toàn bộ châu Bạch Thông (phủ Thông Hóa) thuộc Tiểu quân khu Cao Bằng, nằm trong Đạo quan binh II (Lạng Sơn)³.

1. “*Bạch Thông, lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*”, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009, tr. 8.

2. Tổng Hà Vị gồm 6 xã: Hà Vị, Thanh Vị, Cao Lục, Cư Tiên, Lục Bằng và Quân Bằng.

3. Đạo quan binh II (Lạng Sơn) gồm 3 tiểu khu: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang.

Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu là: Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Bạch Thông, Chợ Rã và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Địa phận Nguyên Phúc thuộc xã Cẩm Giàng, tổng Hà Vị, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 63/SL ngày 23-11-1945, xóa bỏ đơn vị hành chính cấp phủ, tổng, thành lập các xã, huyện. Tổng Hà Vị được đổi tên thành xã Hà Vị, các xã cũ trở thành các thôn: Lục Bình, Hà Vị, Quân Bình và Cẩm Giàng. Đến năm 1948, xã Hà Vị đổi tên thành xã Đào Lâm. Thực hiện Thông tư ngày 16-3-1953 của Chính phủ về việc chỉnh đốn chính quyền dân chủ nhân dân cấp xã, tháng 5-1953, xã Đào Lâm chia thành 6 xã: Dân Chủ (Hà Vị), Hồng Quân (Lục Bình), Đức Xuân (Quân Bình), Hạnh Phúc (Cẩm Giàng), Cộng Hòa (Nguyên Phúc), Tự Do (Cao Sơn).

Thực hiện Quyết định 150-NV ngày 12-5-1964 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Cộng Hòa đổi tên thành xã Nguyên Phúc. Ngày 21-4-1965, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Quyết định số 103/NQ-TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Xã Nguyên Phúc thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

Theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 10 (Quốc hội khóa IX) họp ngày 6-11-1996 về việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Xã Nguyên Phúc thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và

ổn định địa giới hành chính cho đến ngày nay. Tính đến năm 2015, xã có 11 thôn bản là: Nà Muông, Cáng Lò, Nam Yên, Khuổi Bốc, Khuổi Ổ, Ngoàn, Nà Cà, Quăn, Nà Rào, Nà Lốc và Pác Thiên.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Truyền thống văn hóa

Các dân tộc trên địa bàn xã Nguyên Phúc có nền văn hóa đặc sắc và đa dạng. Từ lâu, dân tộc Tày đã đến địa bàn xã để cư ngụ, họ được coi là những cư dân bản địa, chiếm số lượng người đông nhất tại xã Nguyên Phúc, sống tập trung dọc các sườn đồi. Họ sống chủ yếu ở nhà sàn.

Người Tày thường mặc quần áo vải bông làm từ sợi bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất trên trang phục nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Phụ nữ thường chít khăn mỏ quạ, mặc áo ngũ thân có thắt lưng, đeo vòng cổ, tay, chân bằng bạc. Nam giới có quần chân què, dứng rộng, cạp lá tọa, áo ngắn cũng may năm thân, cổ đứng. Ngoài ra, họ còn có áo 4 thân là loại áo xẻ ngực, cổ tròn cao, không cầu vai, xẻ tà, cài cúc vải và có hai túi nhỏ ở phía trước.

Đời sống văn hóa nghệ thuật của người Tày rất phong phú. Họ có kho tàng văn học đồ sộ, âm nhạc, múa và diễn xướng. Trong đó, những làn điệu hát Then, hát Sli, Lượn có mặt trong mọi hoạt động văn hóa, tâm linh của đồng bào, trở thành nét đặc sắc tiêu biểu của người dân nơi đây.

Bên cạnh đó, đồng bào các dân tộc Kinh, Hoa, Dao, Nùng có những nét đặc trưng văn hóa riêng. Người Kinh và người Hoa thường ở nhà trệt, sinh sống chủ yếu dọc đường giao thông. Các bản người Dao thường nằm trên

lưng chừng núi. Người Nùng sống xen kẽ với người Tày. Cũng giống như người Kinh, các dân tộc ở đây cũng coi tết Nguyên Đán là tết lớn nhất trong năm. Đối với người Nùng, mâm cỗ ngày 30 tháng Chạp luôn phải có gà trống thiến. Vào lúc giao thừa tất cả các vật dụng trong gia đình như cây, cuốc, chuồng trâu, chuồng gà... đều được dán giấy đỏ. Người Dao, từ ngày 25, 26 tháng Chạp đã bắt đầu nghỉ ngơi, đón xuân. Vào những ngày tết, họ thường mặc những bộ váy sặc sỡ, đẹp nhất để đi chơi, đi hội.

Lễ hội truyền thống của nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc trước đây là hội Lồng Tồng (xuống đồng) được tổ chức tại bản Ngoàn (ngày 2-1 âm lịch), Nà Rào (ngày 6-1 âm lịch), Nam Yên (ngày 8-1 âm lịch), Cư Tiên (ngày 10-1 âm lịch). Hội gồm 2 phần chính: Các nghi lễ cầu mùa màng, cầu Thần Nông và các vị thần linh cho mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi, nhân dân hạnh phúc và “hội” là một hình thức sinh hoạt văn hóa của cộng đồng với nhiều trò chơi sôi động mang tinh thần thượng võ (tung còn, kéo co, cờ tướng...). Đây là hình thức sinh hoạt cộng đồng, thu hút được đông đảo người dân tham gia. Tuy nhiên, từ những năm 60 của thế kỷ XX, lễ hội này bị mai một dần và hiện nay đang được khôi phục.

Truyền thống lao động, sản xuất

Nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ, sáng tạo. Sinh sống trên vùng cao, nơi địa hình chủ yếu là đồi núi, thời tiết khắc nghiệt, giao thông khó khăn, hiểm trở, để chinh phục tự nhiên, con người nơi đây đã phải rất kiên trì, nhẫn nại cải tạo đất đai, biến vùng đất khô cằn trở thành những cánh đồng

tươi tốt. Từ xa xưa, truyền thống canh tác của họ chủ yếu là làm ruộng nước và nương rẫy.

Bên cạnh cây lúa, nhân dân còn tận dụng đất đai trồng các loại cây màu khác như ngô, khoai, sắn, lạc, mía, bông... để đảm bảo lương thực và phục vụ cho chăn nuôi. Chăn nuôi ở Nguyên Phúc cũng hết sức đa dạng, bên cạnh hình thức chăn nuôi gia súc, gia cầm tại nhà, người dân còn lợi dụng điều kiện tự nhiên núi rừng để thả gia súc lớn. Trước đây, trâu thường được thả vào rừng, chiều người dân mới vào thổi tù và gọi trâu về. Hiện nay, trâu, bò không chỉ được nuôi để lấy sức kéo mà còn trở thành một nguồn lợi có giá trị kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân.

Cuộc sống của nhân dân Nguyên Phúc gắn bó chặt chẽ với núi rừng. Rừng chiếm trên 80% diện tích tự nhiên của xã, vì vậy các nguồn lợi từ rừng đã trở thành nguồn cung cấp chính, nuôi sống con người. Từ xa xưa, nhân dân đã vào rừng để khai thác gỗ làm nhà, săn bắn các loại thú rừng, lấy măng, nấm, cây và các loại quả rừng để ăn, một số lá rừng được chế biến thành các loại thức ăn ngon như xôi ngũ sắc, rượu men lá, khâu nhục... Các dân tộc ở đây đều quen với phương thức canh tác phát nương làm rẫy.

Ngoài thời gian sản xuất, những lúc nông nhàn, nhân dân còn tranh thủ thời gian làm nghề thủ công truyền thống như làm hương xạ, dệt thổ cẩm, đan lát... để nâng cao thu nhập và ổn định đời sống.

Ngày nay, cuộc sống của người dân Nguyên Phúc ngày càng được nâng cao hơn. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền xã, Nguyên Phúc đang phát triển theo hướng đi mới: áp dụng

khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, chăn nuôi, thay đổi phương thức canh tác nhằm đem lại hiệu quả cao hơn. Bằng bàn tay khối óc của mình, người Nguyên Phúc đã và đang làm giàu trên chính mảnh đất quê hương. Ngày càng xuất hiện nhiều nông dân sản xuất giỏi, có thu nhập cao.

Truyền thống yêu nước

Nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc rất tự hào về truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, mỗi khi có họa xâm lăng, nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc đều sẵn sàng góp công, góp sức cùng với cả nước đánh đuổi kẻ thù.

Cuối năm 1406, nhà Minh kéo quân vào xâm lược nước ta. Không chịu khuất phục trước kẻ thù, nhân dân Nguyên Phúc hăng hái tham gia vào “nghĩa quân áo đỏ” hoạt động liên tục suốt 17 năm, gây cho địch nhiều tổn thất, “làm cho chúng không thể nào đặt vững được chính quyền đô hộ trên miền núi rừng bao la của ta”¹.

Cuối thế kỷ XIX, dưới triều vua Thành Thái, các toán cướp phương Bắc do tên Lý A Sý cầm đầu đến cướp bóc hầu khắp địa bàn các tổng Hà Vị, Nông Thượng, Phương Linh. Nhân dân địa phương đã cầm vũ khí đứng lên đánh đuổi giặc cướp về phía Bắc.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Năm 1884, Pháp tấn công đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên rồi mở rộng ra các vùng xung quanh. Trong quá trình đó, đi đến đâu quân Pháp cũng vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của

1. *Lịch sử Việt Nam, tập I*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 239.

nhân dân các dân tộc do tù trưởng địa phương lãnh đạo, tiêu biểu là cuộc chiến đấu ở Chợ Mới và Bạch Thông (có sự tham gia của nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc). Các cuộc chiến đấu này đã góp phần làm giảm bước tiến quân của Pháp. Mãi đến năm 1895, quân Pháp mới cơ bản bình định được châu Bạch Thông nói riêng và vùng Bắc Thái Nguyên nói chung.

Sau khi ổn định bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt đầu mở cuộc khai thác thuộc địa lần thứ I (1896-1914). Đời sống của nhân dân ta ngày càng khổ cực. Các cuộc đấu tranh nổ ra khắp nơi. Tại châu Bạch Thông, nhiều phong trào đấu tranh nổ ra chống lại chính sách về thuế khóa, phu phen, mở đường của Pháp. Điển hình như năm 1938-1939, do bị Tri châu Bạch Thông bóc lột nặng nề, nhân dân các xã Quân Bình, Cẩm Giàng, Tú Trĩ, Phương Linh đã tổ chức quyên góp được 200 đồng¹ làm lộ phí đi đường cho đoàn dân phu về Hà Nội đưa đơn kiến nghị. Trước sức ép của đoàn đại biểu, chính quyền thực dân buộc phải chuyển tên Tri châu Bạch Thông đi nơi khác và tăng tiền công cho dân phu. Tuy các cuộc đấu tranh này mới chỉ mang tính tự phát nhưng đã thể hiện được ý thức tổ chức, đoàn kết trong đấu tranh, tinh thần yêu nước, ý chí quyết cường chống áp bức, bóc lột của nhân dân các dân tộc châu Bạch Thông nói chung và xã Nguyên Phúc nói riêng.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong cuộc chiến tranh bảo vệ

1. "*Bạch Thông, lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009, tr. 29

biên giới Tổ quốc, truyền thống bất khuất, kiên cường đó ngày càng được hun đúc, tôi luyện. Hàng trăm thanh niên của Nguyên Phúc đã lên đường chiến đấu, nhiều người trong số họ đã anh dũng hy sinh vì độc lập tự do của đất nước, nhiều người để lại một phần xương máu nơi chiến trường... Ghi nhận những thành tích đó, năm 2005, Đảng bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Chương II

NGUYỄN PHÚC TRỌNG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. NGUYỄN PHÚC TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Để phục vụ cho quá trình khai thác và bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị chặt chẽ từ trên xuống dưới. Đứng đầu châu Bạch Thông là một viên Tri châu cai quản toàn châu về mọi mặt. Tại các tổng có Chánh tổng và Phó tổng. Ở các xã có Lý trưởng và Phó lý. Giúp việc cho Lý trưởng và Phó lý có Thủ bạ (quản lý về ruộng đất, hộ khẩu, giá thú, khai sinh); Xã lộ (chịu trách nhiệm về giao thông, cầu đường). Từ năm 1931, thực dân Pháp đặt thêm Hội đồng kỳ mục có từ 3-5 người gồm Lý trưởng, Phó lý và các Thủ bạ. Để thực hiện âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, thực dân Pháp còn đặt thêm bộ máy cai trị riêng với dân tộc Dao theo chế độ Quản chiều, Động trưởng. Giữa các dân tộc, chúng cũng ra một số quy định cụ thể có tính chất phân biệt đối xử...

Về quân sự, thực dân Pháp đặt 1 Giám binh và 1 Phó Giám binh người Pháp trực tiếp chỉ huy lính khố xanh cùng tòa án, nhà tù và mạng lưới mật thám, cảnh sát ở thị xã. Tại châu có Châu đoàn, ở tổng có Tổng đoàn. Ở các xã có Xã đoàn và lính đồng. Địa bàn xã Nguyên Phúc nằm sát thị xã Bắc Kạn, có đường số 3 chạy qua, nối thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông. Tại Phủ Thông có 1 trung đội lính, ở Bắc Kạn có 1 đại đội sẵn sàng đàn áp cuộc nổi dậy của quần chúng.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Nguyên Phúc hết sức nghèo nàn và cực khổ. Thực dân Pháp đặt ra nhiều thứ thuế để bóc lột nhân dân, trong đó nặng nề nhất là thuế đinh và thuế điền. Thuế đinh là 2,5 đồng, sau khi Nhật xâm chiếm Đông Dương (tháng 9-1940), mức thuế này tăng lên 3,7 đồng, có khi lên đến 5 đồng/người. Tương tự, thuế điền cũng tăng 50%, thuế “câu bai” (thuế đánh vào nương rẫy ở vùng cao) cũng tăng từ 0,15 đồng lên 0,3 đồng, thuế môn bài tăng lên 4 lần. Ngoài thuế, nhân dân còn phải bị bắt đi phu, đi lính cho Pháp. Mỗi năm nhân dân phải đi phu 2 lần, mỗi lần từ 10-15 ngày và phải tự túc lương thực. Họ chỉ nhận được số tiền công rẻ mạt và thường xuyên bị bọn cai phu đánh đập, bòn rút.

Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn độc quyền quản lý sản xuất và tiêu thụ muối, rượu, cần và thuốc phiện, đồng thời quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm thổ sản. Những người có giấy phép mới được vào rừng khai thác và phải bán lại cho chúng với giá rẻ mạt. Bị vơ vét và bóc lột, phần lớn nhân dân Nguyên Phúc đều lâm vào cảnh đói khổ. Hàng

năm, các gia đình đều thiếu ăn từ 6 đến 8 tháng. Họ phải lên rừng đào củ mài, củ báng, hái măng để ăn qua ngày.

Đời sống văn hóa xã hội của nhân dân không được chính quyền thực dân Pháp quan tâm. Ở Nguyên Phúc, trên 90% dân số mù chữ. Cả tổng Hà Vị chỉ có 1 trường tiểu học đặt tại Lục Bình¹. Để con em mình được học hành, một số gia đình giàu có ở Nguyên Phúc đã tự đứng ra vận động thuê thầy giáo Long Văn Vạch về dạy chữ Hán². Bên cạnh đó, những phong tục tập quán lạc hậu cùng với các tệ nạn xã hội được chính quyền thực dân dung dưỡng và khuyến khích. Trong các thôn bản đều có người hút thuốc phiện. Các tục lệ ma to, cưới lớn, đánh bạc, rượu chè càng làm đời sống nhân dân thêm cực khổ.

Dưới ách áp bức, bóc lột của chính quyền thực dân, phong kiến, đời sống của đồng bào các dân tộc Nguyên Phúc vô cùng cực khổ. Những yêu cầu thiết yếu cho cuộc sống như ăn, ở, chữa bệnh... đều không được đảm bảo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nguyên Phúc đã đứng lên đấu tranh phản đế, phản phong, cùng với toàn dân tộc mở ra một thời kỳ cách mạng mới cho đất nước.

2. Tham gia đấu tranh cách mạng, giành chính quyền về tay nhân dân 1945

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập ngày 3-2-1930, phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước phát triển mạnh mẽ. Ngay từ khi thành lập, vai trò lãnh đạo của

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 29.

2. Lớp học của thầy Long Văn Vạch đặt tại nhà ông Hoàng Văn Ngọc, bản Nà Tháp (ngày nay).

Đảng đã được phát huy và thể hiện qua các cao trào cách mạng 1930-1931 và 1936-1939.

Trong những năm 1932-1934, tại châu Bạch Thông đã diễn ra phong trào chống thuế của nhân dân các dân tộc trong tổng Hà Vị¹ và tổng Nông Thượng do ông Nguyễn Bông (Xuất Hóa) và ông Chi (Cao Kỳ) đứng ra tổ chức, đã đưa kiện bọn quan lại địa phương lên tận phủ Toàn quyền². Tuy nhiên, do địa bàn Nguyên Phúc nói riêng và huyện Bạch Thông nói chung nằm ở vùng cao, rừng núi hiểm trở, điều kiện đi lại còn khó khăn, vì vậy, trong 10 năm đầu kể từ khi Đảng thành lập, chưa có cán bộ Đảng đến tuyên truyền, gây dựng cơ sở cách mạng nên ảnh hưởng của cách mạng chưa đến với nhân dân Nguyên Phúc.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp chỉ đạo phong trào, xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa cách mạng. Năm 1943, nhận thấy tình hình thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, Đảng chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Trên tinh thần đó, Ban Lãnh đạo Nam tiến đã tổ chức cho 19 đội xung phong từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Kạn). Trong đó, một bộ phận lực lượng Nam tiến vượt qua các thung lũng, phát triển cơ sở trong đồng bào Tày - Nùng và sau khi xây dựng được nhiều cơ sở ở châu Ngân Sơn đã tiến theo Quốc lộ 3 xuống các xã

1. Trước năm 1945, xã Nguyên Phúc thuộc tổng Hà Vị.

2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 32.

Quân Bình, Đôn Phong, Lục Bình, Hà Vị, Nguyễn Phúc¹. Cuối tháng 9-1943, Chi bộ Chí Kiên được thành lập, đây là Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, tiếp đó, tháng 11-1943, Ban Cán sự liên tỉnh và Ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng cũng được thành lập.

Nhằm đẩy mạnh phong trào cách mạng ở châu Bạch Thông, Trung ương Đảng đã cử một số cán bộ xuống như đồng chí Nông Công Tú, Đức Xuân, Nông Văn Quang. Tháng 12-1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đến Bạch Thông hoạt động. Tại đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tổ chức họp và giao nhiệm vụ cho các đồng chí Đức Xuân, Phạm Duy Tiến, Tùng Vân củng cố và mở rộng đường dây liên lạc ở các bản vùng cao (đồng bào Dao) và các bản vùng thấp (đồng bào Tày, Nùng)”². Tại tổng Hà Vị, đồng chí Nông Đức Xuân đã tổ chức được 3 cuộc họp tại Khuổi Pát, Khuổi Khảo, Khuổi Shén để tuyên truyền và giác ngộ cách mạng. Nhiều người con của Nguyễn Phúc đã hăng hái tham gia cách mạng như ông Trương Quốc Hưng (bản Quăn), Triệu Đức Phong (Nà Cà), Triệu Đức Ngự (Pác Thiên)...

Trước sự phát triển nhanh của phong trào cách mạng ở châu Bạch Thông, thực dân Pháp đã ra sức khủng bố, đàn áp phong trào. Chúng lập thêm nhiều đồn bót ở những nơi hiểm yếu, các đầu mối giao thông, tăng cường kiểm soát hoạt động ở các địa phương... Đồng chí Nông Đức Xuân - Đội trưởng Đội tuyên truyền xung phong Nam

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 37-38

2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1930-1975*, tr. 40.

tiền bị địch sát hại. Cơ sở cách mạng ở địa phương cũng bị phá vỡ. Phong trào cách mạng ở Nguyên Phúc cũng như châu Bạch Thông tạm lắng.

Trong những ngày khó khăn của cách mạng, các cơ sở Đảng và cán bộ cách mạng luôn được nhân dân tích cực ủng hộ, che giấu, thoát khỏi vòng vây của địch. Nhờ vậy, sau thời kỳ địch khủng bố, phong trào cách mạng ở châu Bạch Thông dần dần được khôi phục lại. Ngày 23-1-1944, Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn ra đời¹. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng của châu Bạch Thông nói riêng và vùng Việt Bắc nói chung.

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, mâu thuẫn giữa thực dân Pháp và phát xít Nhật ngày càng gia tăng. Ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và phát động “Phong trào kháng Nhật cứu nước trong toàn quốc”.

Lúc này, thầy giáo Hà Văn Tường (người tổng Hà Vị) đã được đồng chí Võ Nguyên Giáp tin cậy trao tài liệu Việt Minh và giao nhiệm vụ khôi phục lại cơ sở cách mạng. Tiếp đó, đồng chí Tường cùng đồng chí Ma Hoàng Tượng đều là những người con của tổng Hà Vị cũng trở về tuyên truyền, vận động cách mạng và tổ chức thành lập Ban Việt Minh. Ban Việt Minh tổng Hà Vị được thành lập, trong đó có 4 người con của Nguyên Phúc tham gia là các đồng

1. “*Bạch Thông, Lịch sử kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*”, Nxb Quân đội nhân dân, tr. 35

chí: Triệu Đức Ngự, Nông Văn Nho, Trương Văn Nhân và Trương Hữu Phát (Long). Ban Việt Minh được thành lập đánh dấu bước ngoặt lớn trong phong trào cách mạng ở tổng Hà Vĩ. Từ đây các hoạt động đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân tổng Hà Vĩ được dẫn dắt và chỉ đạo bởi một tổ chức cách mạng ngày càng phát triển hơn. Cùng với đó, lực lượng tự vệ Nguyên Phúc cũng được thành lập, nhanh chóng luyện tập quân sự, chuẩn bị chiến đấu.

Ngày 23-3-1945, một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do các đồng chí Đàm Quang Trung, Hoàng Sâm chỉ huy từ châu Chợ Rã tiến về xã Vi Hương và các xã xung quanh thị trấn Phủ Thông, thị xã Bắc Kạn. Trước khí thế cách mạng sục sôi của các lực lượng vũ trang và quần chúng, tên chỉ huy đồn Phủ Thông buộc phải đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí cho quân giải phóng. Lực lượng tự vệ và nhân dân các xã Vi Hương, Quân Bình, Lục Bình, Hà Vĩ, Cẩm Giàng... đã tổ chức mít tinh, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Theo đó, Ủy ban cách mạng lâm thời tổng Hà Vĩ được thành lập do đồng chí Triệu Đức Thịnh làm Chủ tịch, đồng chí Triệu Đức Hương phụ trách tự vệ¹.

Ngày 25-3-1945, quân Nhật đánh chiếm thị xã Bắc Kạn. Ngay lập tức Nhật đã tập hợp bọn tay chân dựng lên bộ máy chính quyền tay sai và các Đảng phái chính trị thân Nhật. Đồng thời, chúng tổ chức bọn lính khổ xanh,

1. Tổng Hà Vĩ gồm các xã Lục Bình, Hà Vĩ, Quân Bình và Cẩm Giàng, trong đó địa phận Nguyên Phúc thuộc xã Cẩm Giàng.

cùng bọn lưu manh, côn đồ... thành lập “Bảo an binh” và tăng cường củng cố hệ thống đồn bót ở các khu vực trọng điểm.

Tại tổng Hà Vĩ, quân Nhật đóng tại đồn Lanh Chang (Lục Bình) và đồn Nà Tu (Cắm Giàng). Để chia cắt các phong trào cách mạng với quần chúng nhân dân, phát xít Nhật tiến hành dồn dân tập trung. Ngày 13-6-1945 (14-5 âm lịch), quân Nhật đã dồn 65 hộ với 520 nhân khẩu tại xã Hà Vĩ cùng 708 người dân xã Lục Bình đến tập trung tại đồn Lanh Chang. Nhân dân xã Cắm Giàng, Nguyên Phúc cũng bị chúng dồn vào đồn Nà Tu để quản lý. Tuy nhiên, trước sự đấu tranh vừa kiên quyết vừa khôn khéo của nhân dân, quân Nhật đã phải nhượng bộ để nhân dân về quê quán cũ sinh sống.

Tại các đồn bót Nà Tu, Lanh Chang quân đội Nhật đã triển khai nhiều đợt càn quét vào các bản thuộc khu vực Cắm Giàng, Nguyên Phúc, cướp bóc tài sản của nhân dân, hãm hiếp phụ nữ... Đời sống của nhân dân vì vậy ngày càng khổ cực. Hết thấy đồng bào các dân tộc đều căm thù quân Nhật.

Trên địa bàn Nguyên Phúc dân cư thưa thớt lại sống rải rác, trình độ dân trí còn rất thấp. Tuy nhiên với điều kiện tự nhiên chủ yếu là rừng núi heo hút, hiểm trở, giao thông đi lại rất khó khăn lại gần địa bàn trung tâm là thị xã Bắc Kạn và Nà Tu (Cắm Giàng), vì vậy, Nguyên Phúc được Đảng và các tổ chức cách mạng chọn làm căn cứ, hậu cứ bí mật để đánh Nhật.

Tổng Hà Vĩ có 4 cán bộ Việt Minh là Hà Văn Tường (tức Vân Long), Ma Hoàng Tượng (bí danh Minh Đường), Hoàng Văn Ngọc (bí danh Sinh Thiện) và Lường Văn

Bút (bí danh Ngọc Lâm) được cấp trên cử về làm nhiệm vụ tuyên truyền, tổ chức, theo dõi và nắm tình hình địa phương. Dưới sự vận động của các đồng chí, nhiều thanh niên tổng Hà Vị (trong đó có Nguyên Phúc) đã tham gia vào các lực lượng vũ trang: Tô Văn Chương (Nà Cà), Ma Hoàng Đồng (xã Hà Vị), Trương Văn Lân (bản Quăn), Triệu Đức Ngự (Pác Thiên), Nông Văn Nho (Nà Cà), Trương Hữu Phát (bản Quăn) Bế Văn Thắm (xã Hà Vị), Đinh Kim Khanh (Cầm Giàng).

Đầu tháng 4-1945, một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Đàm Quang Trung và Hoàng Sâm chỉ huy đã từ Chợ Rã tiến về Vi Hương, sau đó đến các xã vùng Phủ Thông và ven thị xã Bắc Kạn làm nhiệm vụ xây dựng hội cứu quốc và thành lập chính quyền cách mạng. Tổng Hà Vị do có phong trào từ trước nên khi nhận được sự giúp đỡ của quân giải phóng, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương nhanh chóng tổ chức, tịch thu bằng triện của bọn hào lý, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân phong kiến, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời.

Từ cuối tháng 5-1945, quân Nhật mở cuộc tấn công đánh chiếm các vị trí phía bắc, ven đường Quốc lộ số 3. Lực lượng dân quân tự vệ và du kích Nguyên Phúc đã tích cực tham gia cùng với Giải phóng quân đánh địch ở khắp nơi.

Tháng 7-1945, Nhật tổ chức nhiều cuộc càn quét vào vùng giải phóng Bạch Thông. Tự vệ Nguyên Phúc cùng với tự vệ châu Bạch Thông đã tiến đánh một số vị trí của địch ở thị trấn Phủ Thông, Lanh Chang (xã Lục Bình).... Đồng thời đẩy mạnh phá hoại giao thông, chặn nguồn tiếp

tế của địch trên đường số 3. Bị ta liên tục tấn công, bao vây, chia cắt, quân địch ở Bạch Thông phải rút quân ở các vị trí nhỏ về tập trung chiếm đóng ở thị xã và thị trấn. Phần khởi trước thắng lợi của cách mạng, nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc tích cực giúp đỡ tự vệ và Giải phóng quân hoạt động. Thanh niên các dân tộc nô nức tham gia các lực lượng vũ trang.

Tháng 8-1945, diễn biến chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Trên mặt trận châu Á-Thái Bình Dương, quân đội Nhật bị Hồng quân Liên Xô tiêu diệt, buộc phải đầu hàng quân Đồng Minh vô điều kiện. Chớp lấy thời cơ, từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào đã quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Ngày 16-8, Đại hội Quốc dân đã thông qua “Lệnh Tổng khởi nghĩa”, đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước nổi dậy giành chính quyền.

Tại Bắc Kạn, quân Nhật đã co cụm lại trong các đồn bốt ở thị xã và các huyện lỵ. Khi Giải phóng quân từ Chợ Rã kéo về Phủ Thông, quân Nhật hoảng sợ bỏ chạy. Ngày 21-8, quân ta tiến vào thị xã, chiếm giữ các công sở. Ngày 22-8, ta giải tán trại bảo an binh và tuyên bố xóa bỏ chính quyền cấp tỉnh của địch. Đến ngày 23-8-1945, quân Nhật rút khỏi Bắc Kạn. Ngày 25-8-1945, nhân dân Nguyên Phúc vui mừng tham gia cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại thị trấn Bắc Kạn. Trước sự chứng kiến của đông đảo nhân dân các châu, Tổng bộ Việt Minh tuyên bố xóa bỏ chính quyền đế quốc - phong kiến. Từ đây, nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn được sống trong độc lập, tự do.

Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Nguyên Phúc là kết quả của truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất trên cơ sở đoàn kết toàn dân, tạo thành khối thống nhất trong Mặt trận Việt Minh. Từ đây, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc bước sang một chặng đường mới, cùng cả nước chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, bảo vệ chính quyền cách mạng và chuẩn bị tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp lần hai (1945-1954).

II. XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA KHÁNG CHIẾN TRƯỜNG KỲ CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

Cách mạng Tháng Tám giành được thắng lợi đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là sự kiện lịch sử trọng đại đối với toàn dân tộc. Từ đây, nhân dân chính thức được làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Mặc dù có những điều kiện thuận lợi nhưng nhân dân tổng Hà Vĩ nói riêng và nhân dân cả nước nói chung còn đứng trước vô vàn thử thách. Chính quyền đã thuộc về tay nhân dân nhưng những tàn dư của chế độ cũ vẫn còn tồn tại chưa được phá bỏ, phần lớn người dân mù chữ. Diện tích đất bỏ hoang nhiều, sản xuất bị đình đốn, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Nhằm đáp ứng điều kiện thực tiễn của địa phương trong công tác quản lý, lãnh đạo cách mạng, thực hiện quyết định của cấp trên, tổng Hà Vĩ được đổi thành xã Hà Vĩ. Địa bàn Nguyên Phúc (ngày nay) thuộc thôn Cẩm Giàng, xã Hà Vĩ, châu Bạch Thông. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cán bộ, đảng viên trên địa bàn nhanh chóng ổn định tình hình, triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

Nhằm đặt cơ sở pháp lý cho chính quyền non trẻ, ngày 6-1-1946, Chính phủ đã tiến hành cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước bầu Quốc hội khóa I. Lần đầu tiên trong lịch sử, cử tri cả nước được cầm trên tay lá phiếu bầu những người lãnh đạo đất nước, được thể hiện quyền công dân của mình. Gần 90% cử tri thôn Cẩm Giàng tham gia bỏ phiếu. Tiếp đó, tháng 4-1946, cử tri thôn Cẩm Giàng tiếp tục tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh, xã, lựa chọn những người có tinh thần yêu nước, nhiệt tình tham gia cách mạng, có uy tín vào bộ máy chính quyền. Kết quả, cùng với các thôn khác, cử tri Cẩm Giàng đã bầu được 27 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã Hà Vĩ.

Đến tháng 6-1946, Hội đồng nhân dân xã tiến hành họp phiên thứ nhất, bầu ra Ủy ban hành chính xã thay cho Ủy ban cách mạng lâm thời. Đồng chí Nguyễn Văn Mận được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính, 2 đồng chí Luân Văn Phùng, Hoàng Minh Đường làm Phó Chủ tịch, các đồng chí Hà Thiêm Bao, Hoàng Văn Ngôn, Hoàng Văn Mạnh, Đặng Quý Tài (người xã Nguyên Phúc) làm Ủy viên Ủy ban. Dưới cấp xã là các thôn, ông Triệu Đức

Tinh làm Trưởng thôn Cẩm Giàng. Bên cạnh đó, bộ máy các tổ chức đoàn thể cũng nhanh chóng được xây dựng: Đoàn Thanh niên do đồng chí Bế Ngọc Loan làm Bí thư Đoàn, đồng chí Lê Thị O làm Phó Bí thư, Hội Nông dân do đồng chí Hoàng Văn Bình làm Bí thư Nông Hội, Hội Phụ nữ do đồng chí Hoàng Thị Tuy làm Bí thư.

Song song với việc kiện toàn tổ chức, chính quyền đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào “Tăng gia cứu đói, tự túc lương thực”. Nhân dân trên địa bàn thôn Cẩm Giàng tích cực tham gia xây dựng “Hũ gạo cứu đói”. Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng nhân dân thôn Cẩm Giàng đã đóng góp được 105kg gạo góp phần giải quyết khó khăn lương thực trước mắt.

Thực hiện chính sách của Chính phủ, huyện đã triển khai nhanh chóng việc chia ruộng đất của Việt gian, tạm giao ruộng vắng chủ cho các hộ gia đình. Việc thực hiện giảm tô, giảm thuế điền thổ, thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý khác đã được thực hiện nghiêm túc. Nhờ đó, nhân dân đã thấy rõ được tính ưu việt của chính quyền mới, đồng thời tạo động lực để bà con hăng say lao động, từng bước khôi phục sản xuất. Các biện pháp khai hoang, mở rộng diện tích canh tác được thực hiện. Ngoài cây lúa, bà con còn trồng một số cây rau màu nhằm giải quyết vấn đề thiếu lương thực vào những ngày giáp hạt. Năm 1946, trên địa bàn Nguyên Phúc, diện tích đất sản xuất được mở rộng đạt 26ha, trong đó có 4ha là lúa nước, năng suất đạt 96 kg/bung. Nhờ đó, nạn đói vào dịp giáp hạt từng bước được đẩy lùi, đời sống nhân dân ngày càng ổn định.

Trên mặt trận diệt “Giặc đói”, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, với khẩu hiệu “Người biết nhiều dạy cho người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết”, phong trào Bình dân học vụ đã thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Từ các cụ già, em nhỏ đến các chị em phụ nữ đều tranh thủ đến lớp học chữ. Lớp bình dân học vụ trên địa bàn Nguyên Phúc do cô giáo Tơ và thầy giáo Nông Văn Châu phụ trách. Kết quả, phong trào Bình dân học vụ của xã đã xóa mù chữ cho 30 người.

Trước những khó khăn về tình hình tài chính, Chính phủ đã kêu gọi nhân dân tham gia xây dựng “Tuần lễ vàng” và tổ chức “Quỹ độc lập”. Tuy đời sống còn thiếu thốn nhưng nhân dân Nguyên Phúc vẫn nhiệt tình tham gia đóng góp cho cách mạng. Từ ngày 17-24/9/1945, tại đồi Cứu Quốc (Lanh Chang), hầu hết các gia đình trong xã đã đóng góp từ 1 hào đến 1 đồng vào “Quỹ độc lập”. Tiếp đó, trong “Tuần lễ vàng”, toàn xã Hà Vị đã đóng góp được 85 đồng bạc trắng và hàng chục con trâu. Mặc dù sự đóng góp không nhiều nhưng đã thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng của toàn thể nhân dân các dân tộc trên địa bàn Nguyên Phúc.

Ngay sau khi ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, thực dân Pháp đã có những hành động vi phạm các điều khoản ký kết, bộc lộ âm mưu xâm lược lâu dài đất nước ta. Công tác xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi điều kiện, sẵn sàng đối phó khi có tình huống bất trắc xảy ra được đặt lên hàng đầu. Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, lực lượng tự vệ trên địa bàn Nguyên Phúc được tăng cường đảm bảo quân số. Đồng thời, công tác huấn luyện

sử dụng các loại vũ khí được thực hiện thường xuyên. Các chiến sĩ đã nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, tiêu diệt những phần tử Việt gian, trong đó có bọn tay sai chỉ điểm cho giặc giết hại đồng chí Đức Xuân.

Từ cuối năm 1946, thực dân Pháp liên tục có những hành động gây hấn ở Hải Phòng, Hà Nội, buộc toàn thể dân tộc Việt Nam đứng lên tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Ngay sau lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Nguyên Phúc nói riêng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, ác liệt, gian khổ nhưng cũng đầy hào hùng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, năm 1946, địa bàn xã Nguyên Phúc đã có hai người con Nguyễn Văn Thắng, Lương Văn Lâm tình nguyện tham gia bộ đội, bảo vệ đất nước.

2. Trục tiếp chiến đấu, đương đầu với kẻ thù (1947-1949)

Ngay sau “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Hồ Chủ tịch, Việt Bắc một lần nữa trở thành căn cứ địa chủ yếu của cuộc kháng chiến. Các huyện Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Phú Lương (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của

Trung ương. Đầu năm 1947, nhiều cơ quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ Tổng chỉ huy cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội... lần lượt có mặt tại ATK, sống và làm việc tại đây trong suốt thời kỳ kháng chiến.

Nhiệm vụ cấp bách của chính quyền địa phương là nhanh chóng xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Năm 1947, lực lượng dân quân xã Hà Vị bao gồm 89 đội viên, tổ chức thành 1 trung đội du kích cơ động, 1 tiểu đội lão dân quân và các tiểu đội ở thôn (mỗi thôn có từ 1-2 tiểu đội, mỗi tiểu đội có từ 10-12 người), với vũ khí trang bị gồm 36 khẩu súng và nhiều dao găm, mã tấu, súng kíp. Mặc dù trang bị vũ khí thô sơ và thiếu thốn nhưng cán bộ và chiến sĩ các đội dân quân, du kích đều có tinh thần chiến đấu cao, thường xuyên luyện tập dưới hình thức đánh trận giả, diễn tập chiến đấu phòng thủ địa phương.

Trước sự tấn công mạnh mẽ của thực dân Pháp ở Hà Nội, các cơ quan Trung ương tiến hành sơ tán đến các nơi an toàn. Địa bàn Nguyên Phúc là điểm dừng chân của Đại đội 81, Tiểu đoàn 55 và Tiểu đoàn 72, Trung đoàn 72 trong các năm 1946-1947. Bên cạnh đó, khu vực Ngừm Phja Khao (Ngoàn) là nơi bộ đội ta đặt kho vũ khí. Xưởng quân khí Nà Pạo (Cầm Giàng) được di chuyển về tại Nam Yên. Trường Quân chính tỉnh di chuyển trụ sở về địa bàn xã, kho thóc của huyện đặt tại Pác Thiên. Nhân dân trên địa bàn Nguyên Phúc đã cùng với chính quyền, đoàn thể tích cực tham gia xây dựng lán trại, nguy trang nơi ở và chỗ làm việc cho các đoàn cán

bộ. Ngoài ra, bà còn tích cực cung cấp lương thực, thực phẩm cho các đơn vị.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiến hành tiêu thổ kháng chiến: “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được, một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn bắn vào kẻ địch vậy”, 50 dân quân và thanh niên Nguyên Phúc là đơn vị đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn được huy động ra Cẩm Giàng phá cầu sắt, cuốc và đào được 100 hố, hàng trăm mét giao thông hào trên tuyến Quốc lộ 3 từ thị xã Bắc Kạn đến khu phố Phủ Thông.

Ngoài công tác xây dựng lực lượng quân sự sẵn sàng chiến đấu thì vấn đề duy trì hoạt động sản xuất, đảm bảo cung cấp lương thực cho cách mạng cũng là nhiệm vụ quan trọng. Nhân dân xã Nguyên Phúc tích cực tham gia lao động sản xuất, giữ vững số diện tích canh tác đồng thời trồng thêm các loại cây hoa màu ở diện tích đất chân đồi, chân núi nhằm tạo thêm nguồn thu lương thực. Các chiến sĩ dân quân, du kích thường xuyên đi tuần tra vừa bảo vệ mùa màng cho nhân dân đồng thời nhanh chóng phát hiện những đối tượng khả nghi, giữ vững an toàn cho các cơ sở cách mạng đứng chân trên địa bàn xã.

Nhận định căn cứ địa Việt Bắc là nơi đứng chân các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, do vậy, thực dân Pháp quyết tâm phá tan tổ chức Chính phủ và đội quân chủ lực của ta. Ngày 7-10-1947, Pháp vừa cho một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, vừa tiến theo hai hướng thủy, bộ, tạo thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc. Xã Nguyên Phúc trở thành cửa ngõ của

quân Pháp để đi lùng sục, cướp của, đốt nhà cửa ở các thôn, bản khác.

Ngày đêm đầu tiên sau khi quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, chúng đã tiến vào lùng sục, đốt kho thóc tại Cẩm Giàng. Du kích Nguyên Phúc đã sang vận chuyển gần 3 tấn thóc còn lại gánh vào rừng cất giấu an toàn.

Ngày 8-10-1947, một đơn vị bộ đội của Trung đoàn 72 phối hợp với dân quân, nhân dân địa phương nhanh chóng vận chuyển kho thóc tại Pác Thiên đến nơi an toàn. Đêm hôm đó, quân Pháp tiến vào bản, tiến hành đốt phá, cướp bóc, bắn chết 3 bộ đội và 2 người dân đang gánh thóc đi giấu vào rừng là các ông Ích, Triệu Đức Chức, bắt 2 người dân tại bản Nam Yên là Nông Văn Nhâm và Lường Văn So.

Ngày 11-10-1947, Pháp cho một đội quân nhỏ từ Bắc Kạn vượt núi theo đường mòn đến Cự Tiên. Tại đây, chúng bắn chết ông Triệu Đức Sương, đốt cháy toàn bộ nhà dân ở bản và giết chết 8 con trâu.

Ngày 12-10-1947, tại Cự Tiên, Pháp ngược sông đến Nà Rào, bắn chết 1 bộ đội, bắn bị thương 1 bộ đội khác, sau đó sang cầu Nà Cù bắn gãy chân ông Hà Văn Mạo. Nhân dân Nguyên Phúc đã chôn cất thi hài và cứu chữa các chiến sĩ bị thương.

Thời gian này, Pháp tỏ ra hung hăng, thường xuyên dùng những phân đội nhỏ đi lùng sục khắp nơi, gây nhiều tội ác. Chúng đã bắn chết 2 người dân ở Kéo Ne, 1 người dân ở Ngòi, 1 người dân ở cầu Nà Cù...

Để chặn đường giao thông tiếp tế của địch, nhằm “giam chân địch tại mấy căn cứ chúng vừa chiếm”, dân

quân, du kích và nhân dân Nguyên Phúc phá nhiều đoạn trên đường số 3, gây cản trở lớn đến việc hành quân cướp phá và tiếp tế lương thực của địch. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang của xã còn tiến hành chiến tranh du kích rộng khắp, khiến quân Pháp đi đến đâu cũng bị đánh, việc tiếp tế gặp nhiều khó khăn, thiệt hại về người và phương tiện chiến tranh ngày càng nhiều.

Bị tấn công trên các chiến trường, đầu tháng 12-1947, quân Pháp phải kết thúc chiến dịch Việt Bắc trong thất bại. Tuy nhiên, để phục vụ cho những âm mưu chính trị và quân sự nham hiểm, địch vẫn đóng quân và củng cố 5 cứ điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Từ các cứ điểm, quân giặc ngày đêm tổ chức các cuộc càn quét, nhằm cướp bóc lương thực, thực phẩm, giết hại nhân dân, thăm dò và triệt phá lực lượng ta, bảo vệ an toàn cho chúng.

Trước tình hình đó, tháng 1-1948, Trung ương Đảng họp Hội nghị và nêu rõ quyết tâm: “đuổi địch ra khỏi Việt Bắc, trước hết ra khỏi Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai”¹. Cùng thời gian, xã Hà Vị đổi tên thành xã Đào Lâm. Lúc này, ông Nguyễn Văn Mạn giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã, các ông Triệu Đức Vàng, Luân Văn Phùng làm Phó Chủ tịch.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, chính quyền xã Đào Lâm không ngừng củng cố lực lượng quân sự. Đầu năm 1948, Đại đội 301 du kích xã Đào Lâm ra đời, trong đó các đồng chí Chính

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng tháng 1-1948, Văn kiện Đảng từ 1945-1954, sdd.

trị viên đại đội Nông Văn Nho và Chính trị viên trung đội Trần Văn Cậm là người xã Nguyên Phúc.

Ngày 16-2-1948, địch bắn chết 1 đồng chí Trung Đội phó Trung đội du kích Bạch Thông và đồng chí La Văn Cừu, liên lạc viên của Tiểu đoàn 81, Trung đoàn 72.

Đêm 25-7-1948, bộ đội chủ lực tập kích đồn Phủ Thông. Phối hợp với mũi tiến công chính, du kích huyện Bạch Thông, trong đó có du kích xã Đào Lâm, đã chặn đường, phá cầu, bắn tỉa, ngăn chặn đường cứu viện của địch, cô lập hoàn toàn đồn Phủ Thông. Đến chiều 28-7-1948, lực lượng địch từ Cao Bằng mới mở được đường đến ứng cứu đồn Phủ Thông.

Trong thời gian này, du kích và nhân dân xã phối hợp với bộ đội chủ lực đánh hàng chục trận dọc Quốc lộ 3, chặn phá được đường dây tiếp tế lương thực bằng đường bộ giữa các cứ điểm của địch, làm chết và bị thương nhiều tên địch, bắt sống 1 lính Pháp ở Pác Cáp (Cư Tiên). Từ năm 1947-1949, du kích Nguyên Phúc lập 5 trạm gác, thực hiện trên 7.300 ngày công canh gác, đã kịp thời phát hiện 50 lần giặc Pháp vào và báo động cho nhân dân, các cơ quan, bộ đội sơ tán an toàn, làm tròn nghĩa vụ bảo vệ trị an ở địa phương.

Về kinh tế, do giặc liên tục tiến hành các đợt lùng sục, đốt phá các thôn, bản buộc hầu hết nhân dân phải đi tản cư nơi khác và bỏ hoang các cánh đồng. Tuy nhiên, số dân còn lại đã sơ tán vào rừng sâu núi cao, tiến hành tổ chức canh gác, bảo vệ sản xuất, ngày đêm vẫn bám ruộng đồng, góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Khu vực bản

Ngoài đã trở thành chợ kháng chiến, nơi cất giấu và trao đổi hàng hóa của nhân dân và du kích huyện Bạch Thông suốt những năm 1947-1948¹. Phong trào quyên góp, ủng hộ kháng chiến, giúp đỡ lẫn nhau về lương thực, đồ dùng sinh hoạt được phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Từ năm 1947-1948, nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn Nguyên Phúc đã nuôi ăn cho 21 hộ dân từ các địa phương bạn sơ tán vào lánh giặc.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Năm 1948, Chi bộ Đảng xã Đào Lâm được thành lập với 6 đảng viên, trong đó đồng chí Triệu Đức Ngự² là người tại Nguyên Phúc. Sự ra đời của Chi bộ Đào Lâm đã đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của phong trào cách mạng địa phương. Từ đây, nhân dân các dân tộc Đào Lâm tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng.

Sau 2 năm (1947-1948) chiến đấu kiên cường và bền bỉ, vượt lên trên mọi gian nan, thử thách, quân và dân Bắc Kạn lập được nhiều chiến thắng vẻ vang, gây cho giặc Pháp những thất bại nặng nề. Trong tháng 8-1949, quân Pháp rút khỏi thị xã Bắc Kạn và các đồn Phủ Thông (ngày 11-8), Nà Phặc (ngày 13-8), Ngân Sơn, Bằng Khẩu (ngày 17-8). Sau khi địch rút, ta đã kịp thời tiếp quản các vị trí và đến ngày 19-8-1949, nhân dân Đào Lâm cùng với nhân dân huyện Bạch Thông tổ chức mít tinh chào mừng chiến thắng.

1. Sau khi Pháp rút, chợ Ngoài cũng không còn hoạt động.

2. Năm 1950, đồng chí Ngự thoát ly công tác tại thị xã Bắc Kạn.

3. Xây dựng hậu phương, tích cực chi viện cho tiền tuyến (1949-1954)

Quê hương được giải phóng, ách thống trị của thực dân Pháp không còn nữa, đồng bào Đào Lâm phấn khởi tham gia xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới. Tuy nhiên, sự thống trị của thực dân Pháp và những năm chiến tranh tàn phá đã để lại cho địa phương hậu quả rất nặng nề, nhiều nhà cửa bị đốt phá hư hỏng, các thôn bản xơ xác, tiêu điều, đất đai trồng trọt bị hoang hóa. Một số gia đình bị thiếu ăn triền miên. Các loại nhu yếu phẩm (muối, vải, thuốc chữa bệnh...) và nông cụ sản xuất thiếu trầm trọng. Hơn nữa, trong hàng ngũ lãnh đạo địa phương, phần lớn các đồng chí đảng viên mắc khuyết điểm, gây ảnh hưởng xấu đến cơ sở buộc cấp trên phải ra quyết định giải thể Chi bộ Đào Lâm trong năm 1949.

Đầu năm 1950, Tỉnh ủy Bắc Kạn điều đồng chí Hoàng Cao Trung - cán bộ tổ chức Tỉnh ủy xuống trực tiếp khôi phục phong trào và Chi bộ Đào Lâm, chỉ định đồng chí Trung làm Bí thư Chi bộ. Đến tháng 6-1950, Đại hội Chi bộ xã Đào Lâm được tổ chức. Đại hội bầu đồng chí Lường Văn Tiêu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Triệu Đức Ngự giữ chức Phó Bí thư, đồng chí Luân Thị Nhật là Chi ủy viên. Cùng thời gian, xã Đào Lâm điều chỉnh lại các đơn vị hành chính cơ sở. Thôn Cẩm Phú bao gồm địa bàn xã Nguyên Phúc ngày nay được tách khỏi thôn Cẩm Giàng. Chức vụ Trưởng thôn Cẩm Phú lúc này do đồng chí Triệu Đức Tân đảm nhiệm.

Về nông nghiệp, do trận lụt lớn tháng 10-1950 giữa lúc thời tiết giá lạnh đã quét sạch hàng trăm bung lúa, ngô,

gây thiệt hại hàng trăm tấn lương thực. Để giải quyết tình trạng trên, Huyện ủy Bạch Thông đã phát động phong trào tăng gia sản xuất, đồng thời cử cán bộ về các xã vận động nhân dân tích cực chăm sóc lúa và hoa màu, huy động lực lượng làm thủy lợi. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân địa phương tập trung sức mạnh đào mương, đắp đập giữ nước, làm cọn tưới nước cho các chân ruộng cao, mở rộng diện tích hoa màu tại các vùng đồi gò rậm rạp. Đến năm 1952, diện tích trồng lúa tăng 3%, lạc tăng 15%, ngô tăng 10%... Toàn xã Đào Lâm thu được 318 tấn lương thực, bình quân lương thực đầu người đạt 230 kg/năm.

Năm 1951, Chính phủ ban hành một số sắc lệnh thuế, quyết định thu thuế nông nghiệp thay thế cho các loại đóng góp trước đây như quỹ công lương, tạm vay... Chi bộ, chính quyền xã đã tích cực vận động nhân dân thực hiện Sắc lệnh thuế nông nghiệp của Chính phủ, năm 1951, nhân dân Đào Lâm đã đóng 27 tấn thóc thuế.

Từ khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, địa bàn thôn Cẩm Phú trở thành nơi nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội về sơ tán, làm việc như: Tỉnh ủy - Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tại Nà Cà; đơn vị bộ đội về dựng trại giam tù binh Pháp ở Trại Tây; Hội trường 8 mái tại bản Ngòi. Bên cạnh đó, một số cán bộ cấp cao của Trung ương như: Thiếu tướng Chu Văn Tấn¹ Bí thư Khu ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Khu Việt Bắc, Chính ủy Đại

1. Sau là Thượng tướng.

đoàn 316 Chu Huy Mân¹... cũng đã đến và lưu trú tại địa phương. Đặc biệt, cuối năm 1953, Hội trường 8 mái bản Ngòan đã được Khu ủy Việt Bắc chọn làm địa điểm tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phát động quần chúng giảm tô đợt 3, 4 cho các tỉnh Cao - Bắc - Lạng, Hội nghị vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và huấn thị. Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng xã một mặt tăng cường giáo dục cho nhân dân tinh thần cảnh giác cách mạng, luôn nêu cao khẩu hiệu “Ba không” (Không biết, không nghe, không nói), mặt khác lãnh đạo nhân dân chặt cây, làm đường, làm lán, làm nhà ở, tạo điều kiện cho các cơ quan, cán bộ làm việc, yên tâm công tác.

Về mặt giao thông, sau khi rút khỏi Bắc Kạn, để ngăn chặn sự chi viện của ta cho chiến trường, thực dân Pháp liên tục cho máy bay bắn phá đường số 3, tuyến giao thông huyết mạch nối khu căn cứ địa Việt Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của cấp trên, ngay từ tháng 8-1949, lực lượng vũ trang địa phương đã cùng với đơn vị 312 thanh niên Bắc Kạn tham gia sửa chữa cầu đường, đóng góp gần 1.000 ngày công để san lấp hố bom, đảm bảo giao thông. Tiếp đó, từ năm 1950-1952, thôn Cẩm Phú huy động 20 người và 20 con trâu khỏe sang địa bàn Sỹ Bình để vận chuyển gỗ nghiến làm các cây cầu Nà Hoan (Tân Tiến), Nà Tu (Cẩm Giàng) cùng hàng trăm lượt dân công vận chuyển vũ khí, lương thực phục vụ cho chiến dịch Biên giới và chiến dịch Tây Bắc.

1. Sau là Đại tướng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Về giáo dục, ngày 5-10-1949, trường tiểu học đầu tiên của xã Đào Lâm được thành lập tại Pá Yếu (xã Hà Vị bây giờ). Sau đó, trường đã mở thêm phân trường tại Nà Rào với các giáo viên đứng lớp là Triệu Đức Ngự và Hà Thiêm Răng, tạo điều kiện cho đông đảo con em địa phương tham gia học tập. Các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan được bài trừ. Các cuộc vận động vệ sinh phòng bệnh, ăn sạch, ở sạch, uống sạch, diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột ... được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Tháng 5-1953, để chuẩn bị cho công tác phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, xã Đào Lâm được chia tách thành 6 xã: Hồng Quân (Lục Bình), Dân Chủ (Hà Vị), Đức Xuân (Quân Bình), Hạnh Phúc (Cẩm Giàng), Cộng Hòa (Nguyên Phúc), Tự Do (Cao Sơn). Sau khi trở thành một đơn vị hành chính độc lập, bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể của xã cũng được kiện toàn: đồng chí Triệu Đức Thọ làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, đồng chí Trần Văn Bường là Xã Đội trưởng, đồng chí Hoàng Văn Tần là Trưởng Công an, đồng chí Triệu Thị Cơi là Bí thư Hội Phụ nữ, đồng chí Triệu Đức Bằng là Bí thư Đoàn Thanh niên. Lúc này, địa phương chưa có Chi bộ độc lập, các đảng viên sinh hoạt ghép trong Chi bộ xã Hạnh Phúc (Cẩm Giàng).

Cuộc kháng chiến đang đi vào giai đoạn cuối cùng gay go ác liệt hơn, đòi hỏi ngày càng cao về nhân lực, vật lực. Chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, xã đã thành lập 1 tiểu đội dân công hỏa tuyến do đồng chí Lương Văn Thị đứng đầu tham gia phục vụ chiến dịch trong 6 tháng. Số thanh niên nhập ngũ tăng hơn so với những năm trước,

trong 2 năm 1953-1954, xã Cộng Hòa có 5 thanh niên nhập ngũ, trong đó các đồng chí Triệu Văn Pèng, Hứa Văn Tần, Hoàng Văn Hưng đã trực tiếp tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 13-3-1954, bộ đội ta bắt đầu nổ súng tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi hoàn toàn đã buộc thực dân Pháp ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương. Theo Hiệp định, quân đội 2 bên rút về vị trí tập kết ở 2 miền Nam - Bắc, đánh dấu miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Những năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là chặng đường nhiều khó khăn, gian khổ nhưng cũng đầy tự hào của cán bộ và nhân dân địa phương. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến tháng 12-1946 là thời kỳ nhân dân Nguyên Phúc củng cố những thắng lợi đã giành được, chuẩn bị điều kiện để bước vào một cuộc chiến tranh cách mạng trường kỳ.

Từ tháng 1/1947-7/1954, nhân dân toàn xã chiến đấu kiên cường, đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp. Địa phương đã phải chịu trên 20 cuộc càn quét của giặc, nhiều nhà cửa, vườn tược, trâu, bò và các tài sản khác của nhân dân bị địch cướp bóc, đốt phá. Tuy nhiên, cán bộ, đảng viên nơi đây vẫn kiên trung bám đất, bám dân; nhân dân địa phương một lòng tin theo Đảng, không ngại khó khăn, nguy hiểm đã nuôi giấu cán bộ cách mạng, tham gia du kích, giúp đỡ bộ đội chủ lực đánh giặc trong suốt những năm kháng chiến.

Tổng kết 9 năm trường kỳ kháng chiến chống Pháp, quê hương Nguyễn Phúc có 18 thanh niên lên đường nhập ngũ, hàng chục thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, trong đó có 2 người anh dũng hy sinh, 1 người là thương binh. Xã đã đóng góp cho cuộc kháng chiến 3 tấn thóc, 2,5 tấn thực phẩm, 8 con trâu và hàng nghìn ngày công vận chuyển vũ khí, đạn dược... Cùng với bộ đội chủ lực, du kích xã tham gia chống càn và tổ chức 13 trận đánh, tiêu diệt nhiều tên địch, phá hủy một số xe quân sự và vũ khí các loại. Ghi nhận những thành tích đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân Nguyễn Phúc vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng 4 Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhì và hạng Ba, 12 Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất và hạng Nhì cùng nhiều Bằng khen, Giấy khen, cờ thưởng các loại.

Kinh nghiệm thực tế cùng với những thành tích đã đạt được là nền móng quan trọng và vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân Nguyễn Phúc bước sang giai đoạn tiếp theo: Khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương III

NGUYỄN PHÚC THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. KHÔI PHỤC KINH TẾ, HOÀN THÀNH CẢI CÁCH DÂN CHỦ, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế sau chiến tranh, xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp và hoàn thành cải cách dân chủ (1954-1960)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, miền Bắc được hòa bình, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ: khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục cải cách ruộng đất, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng làm hậu phương lớn cho quân dân miền Nam, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, địa bàn Nguyễn Phúc là vùng căn cứ, hậu cứ bí mật của cách mạng. Nhân dân trong xã thường xuyên làm nhiệm vụ hậu cần, tiếp ứng lương thực thực phẩm, vũ khí đạn dược cho chiến trường. Thực dân Pháp cũng nhiều lần đem máy

bay đến bắn phá. Sau chiến tranh, điều kiện kinh tế - xã hội của xã còn thấp kém, cơ sở vật chất lạc hậu, đời sống của nhân dân rất khó khăn.

Trong giai đoạn đầu khi mới thành lập, cơ cấu tổ chức cán bộ của xã Cộng Hòa còn thiếu. Đặc biệt đội ngũ đảng viên còn rất ít (xã mới chỉ có 2 đảng viên) và phải sinh hoạt ghép với Chi bộ xã Hạnh Phúc (tức Cẩm Giàng). Bởi vậy nhiệm vụ xây dựng và kiện toàn bộ máy lãnh đạo địa phương được đặt ra cấp thiết. Bên cạnh việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ tham gia kháng chiến, chính quyền xã chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, lớp kế cận. Qua rèn luyện ở địa phương, các cán bộ trẻ ngày càng trưởng thành, vững vàng về chuyên môn và chính trị.

Thực hiện sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trực tiếp là Chi bộ xã Hạnh Phúc, chính quyền xã Cộng Hòa chỉ đạo nhân dân khôi phục kinh tế, tạo cơ sở phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Do hậu quả của chiến tranh cộng với thiên tai hạn hán mất mùa, phần lớn nhân dân trong xã đều thiếu lương thực, mỗi hộ gia đình đều thiếu đói từ 3-5 tháng trong năm. Nhân dân phải lên rừng tìm củ khoai, củ mài cứu đói. Để tháo gỡ khó khăn cho quần chúng, chính quyền xã lãnh đạo nhân dân ra sức phát triển vụ xuân (giống lúa Nam Ninh) và trồng màu. Công tác thủy lợi cũng được chú trọng như làm mương, phai; phát triển phong trào làm chuồng trâu để có sức kéo và phân bón; củng cố và phát triển các tổ đổi công; gây dựng phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm...

Nhờ những chính sách tích cực và kịp thời của Chi bộ Đảng và chính quyền xã, vấn đề lương thực trong đời sống của nhân dân đã được khắc phục một phần. Nhằm giảm thiểu số hộ đói trong xã, các ban ngành, đoàn thể tiếp tục vận động nhân dân nêu cao tinh thần tương thân tương ái, cứu giúp các gia đình gặp khó khăn như giúp đỡ về gạo, thức ăn, quần áo, đồ dùng lao động... Chính quyền xã tạo điều kiện về giống, cây trồng, ruộng đất cho nhân dân sản xuất.

Sau 3 năm khôi phục và phát triển sản xuất, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương đã khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu vươn lên giành được những thắng lợi toàn diện, đời sống của nhân dân được ổn định và cải thiện, nạn đói “tháng ba ngày tám” từng bước được đẩy lùi. Công tác văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, từ năm 1954, thành lập phân trường cấp I Cẩm Giàng do thầy Hoàng Văn Ôn làm Hiệu trưởng, giáo viên là thầy Lâm (người Lục Bình), thầy Hiền... Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được đẩy mạnh. Y tế xã thực hiện cuộc vận động làm vệ sinh “sạch làng tốt ruộng”, “ăn chín uống sôi”... Tuy nhiên, do điều kiện, phương tiện, nguồn thuốc chữa bệnh thiếu thốn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chưa cao nên chất lượng khám, chữa bệnh còn thấp.

Bước sang năm 1958, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (khóa II) về kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và tư bản tư doanh (1958-1960), chính quyền xã xác định nhiệm vụ chính

trong giai đoạn này cần tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Dưới sự chỉ đạo của chính quyền xã, phong trào đổi công diễn ra sôi nổi, đặc biệt trong các bản người Tày và Nùng. Ban đầu hình thức đổi công còn sơ sài, chủ yếu là giúp đỡ nhau trong sản xuất khi bước vào mùa vụ thu hoạch hay trồng cây, sau đó được phát triển đa dạng hơn như phát triển phong trào thi đua, giải quyết khó khăn trong sản xuất về trâu cày, thóc giống cho đến cứu đói nhân dân... Đến năm 1959, ở mỗi bản của xã đã thành lập được 1 tổ đổi công, gồm có 5-6 hộ gia đình.

Nhằm đưa nhân dân lên hình thức sản xuất cao hơn, chính quyền xã đã vạch ra kế hoạch cụ thể, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Xã có thuận lợi là: phong trào các tổ đổi công phát triển tốt; mô hình tổ đổi công đang được nhân rộng trong quần chúng nhân dân với các hình thức ngày càng đa dạng và gắn bó mật thiết hơn, từ hình thức đổi công từng vụ, từng việc, một số tổ được đưa lên hình thức đổi công thường xuyên. Tuy nhiên, tổ đổi công của xã cũng gặp nhiều khó khăn: ở nhiều nơi tổ chức tổ đổi công còn rời rạc, mang tính thời vụ, không ổn định và không có mối liên hệ thường xuyên. Trong một bộ phận dân cư, tập quán canh tác theo phương thức truyền thống vẫn được duy trì, rất khó thay đổi. Điều kiện của xã, thôn bản phần nhiều thừa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu...

Để thúc đẩy phong trào tổ đổi công phát triển hơn nữa, chính quyền xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng

nhiều hình thức khác nhau. Đồng thời, cử cán bộ, đảng viên xuống tổ đổi công trực tiếp thực hiện phong trào, động viên nhân dân tham gia... Từ lợi ích đạt được, nhân dân đã hăng hái tham gia vào các tổ đổi công.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16 (tháng 4-1959) về hợp tác xã và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở Cộng Hòa được thực hiện như sau: Về đường lối: dựa hẳn vào bản cổ nông và trung nông lớp dưới, tranh thủ người tầng lớp trên có liên hệ với quần chúng; Phương châm tiến hành: Tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với hoàn cảnh của xã, làm tốt, vững và gọn; Nguyên tắc thực hiện: Tự nguyện cùng có lợi và quản lý dân chủ. Việc thực hiện Nghị quyết được thực hiện thông qua 3 bước: tuyên truyền giáo dục, phát động tư tưởng trong quần chúng; giải quyết vấn đề ruộng đất, trâu bò, thành phần, giải quyết cụ thể việc nhập tư liệu sản xuất vào hợp tác xã; xây dựng nội quy hợp tác xã, bầu Ban Quản trị, thành lập tổ lao động và chuyển vào sản xuất.

Công tác tuyên truyền được thực hiện đến từng hộ dân trong xã. Hầu hết nhân dân qua học tập đều thông suốt chủ trương chính sách của Đảng, hiểu được lợi ích khi vào làm ăn tập thể nên nhiệt tình hăng hái tham gia. Trên cơ sở đó, năm 1960, xã Cộng Hòa thành lập Hợp tác xã Cư Tiên (gồm các bản Cư Tiên, Pác Thiên) do ông Hứa Văn Tần làm Chủ nhiệm. Tuy mới chỉ là hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, song đây là một

bước thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải tạo nền kinh tế địa phương theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Song song với quá trình hợp tác hóa nông nghiệp, từ tháng 11-1959, chấp hành Chỉ thị 156-CT/TW của Trung ương, sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng xã Hạnh Phúc, chính quyền xã Cộng Hòa đã thực hiện cuộc vận động hoàn thành cải cách dân chủ. Trọng tâm của cuộc vận động là đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao lập trường giai cấp trong nông dân; thông qua đấu tranh của quần chúng để giáo dục, cải tạo những thành phần bóc lột có biểu hiện cường quyền ức hiếp nhân dân; đồng thời kiên quyết vạch mặt, trấn áp những kẻ ngoan cố chống lại chính sách của Đảng và chính phủ. Kết quả, trong toàn xã không có thành phần địa chủ và phú nông bị quy kết, chỉ xác định thành phần trung nông.

Cuộc vận động hợp tác hóa và cải cách dân chủ trên địa bàn xã Cộng Hòa diễn ra tốt đẹp đã tạo ra luồng sinh khí mới, làm thay đổi diện mạo nông thôn của xã. Phong trào thi đua sản xuất diễn ra sôi nổi. Hợp tác xã nông nghiệp đã phát huy được sức mạnh tập thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất như cấy lúa thẳng hàng, bón nhiều phân xanh, phân chuồng và bắt đầu sử dụng phân hóa học... Hệ thống thủy nông được củng cố, xã đã huy động hàng nghìn ngày công, đào đắp được hàng trăm mét khối đất đá, đảm bảo tưới tiêu cho đồng ruộng. Nhờ vậy, diện tích gieo trồng và sản lượng lúa đều tăng. Năm 1960, năng suất lúa trung bình đạt 1 tấn/ha. Trong chăn nuôi, xã cử cán bộ thú y tham gia

lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn do huyện mở, tổ chức tiêm phòng kết hợp với vệ sinh chuồng trại nên đã hạn chế được tình trạng dịch bệnh lây lan, số lượng đàn gia súc, gia cầm dần khôi phục. Tuy nhiên, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở xã mới chỉ là giai đoạn đầu. Cơ sở vật chất của hợp tác xã cũng như trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế, cần được bồi dưỡng, nâng cao hơn nữa.

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng hàng năm xã vẫn luôn cố gắng hoàn thành nộp thuế nghĩa vụ cho Nhà nước. Các chính sách về người có công với cách mạng như gia đình thương binh, liệt sỹ... đều được Chi bộ và chính quyền xã quan tâm thực hiện đầy đủ. Các ban, ngành, đoàn thể đều có những việc làm cụ thể như trao tặng các phần quà, ủng hộ lương thực, giúp đỡ ngày công lao động... giúp các hộ chính sách vượt qua khó khăn.

Sự nghiệp giáo dục của xã vẫn song song phát triển cả hệ thống giáo dục phổ thông và lớp “Bình dân học vụ”. Bên cạnh đó, chính quyền xã còn quan tâm, chú trọng đến công tác giáo dục tư tưởng cho toàn thể nhân dân. Qua các buổi học tập về chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa, nhân dân đã nhận thức rõ hơn chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và hăng hái thực hiện theo.

Ban Y tế xã đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, hướng dẫn người dân thực hiện ăn ở hợp vệ sinh, chăm lo bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em... Qua tuyên truyền, ý thức phòng bệnh của người dân được nâng lên rõ rệt. Các dịch cúm, đậu mùa, sởi đều được dập tắt kịp thời, bệnh sốt rét được hạn chế.

Công tác an ninh quốc phòng của xã được đảm bảo. Lực lượng dân quân du kích xã phối hợp với lực lượng công an thường xuyên tuần tra canh gác bảo vệ trị an thôn bản. Đặc biệt, trong giai đoạn xã thực hiện cuộc vận động dân chủ và hợp tác hóa nông nghiệp, đây là hai lực lượng chính đảm bảo ổn định tình hình chính trị ở địa phương, trấn áp các phần tử xấu có âm mưu phá hoại cách mạng...

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng nâng cao cả số lượng và chất lượng. Cán bộ, đảng viên được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ. Tất cả đảng viên đều trải qua các đợt sinh hoạt chính trị, học tập và kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết số 14-NQ/TW và 15-NQ/TW của Trung ương Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, học tập lịch sử Đảng nhân dịp 30 năm thành lập Đảng. Qua các đợt học tập chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy, hầu hết cán bộ, đảng viên đều thông suốt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh của địa phương, lãnh đạo nhân dân thực hiện đạt kết quả tốt.

Công tác đoàn thể được chú trọng. Các phong trào “Ba tìm, ba quản”, “Học tập tinh thần làm việc xã hội chủ nghĩa”... được các đoàn viên thanh niên hưởng ứng. Thanh niên đã đóng góp nhiều ngày công làm thủy lợi, làm phân xanh phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cán bộ Đoàn xã được tham gia lớp chính huấn về tư tưởng chính trị do Huyện đoàn tổ chức. Hoạt động của Hội Phụ nữ đi vào nề nếp, có nhiều đóng góp trong phong trào hợp tác hóa, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Nhiều chị em

tham gia hoạt động xã hội sôi nổi, là cán bộ chủ chốt ở các ban, ngành địa phương.

Như vậy sau 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế (1954-1957) và 3 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), tổ Đảng và chính quyền xã Cộng Hòa đã lãnh đạo nhân dân giành được nhiều thành tích: Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định. Tuy còn có hạn chế cần phải khắc phục, nhiều khó khăn cần phải vượt qua nhưng những thành tựu đã đạt được là cơ sở để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã vững tin bước vào giai đoạn cách mạng mới.

2. Tiếp tục xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng diễn ra tại Hà Nội đã chỉ rõ 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) ra sức phấn đấu, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Trong hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III của huyện Bạch Thông chỉ rõ: Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu của toàn huyện là tiếp tục củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng ủy các cấp, đặc biệt dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Chi bộ Đảng xã Hạnh Phúc, công tác xây dựng Đảng ở xã Cộng Hòa đạt được nhiều thành quả. Các đảng viên không ngừng phấn đấu, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị cũng như trình độ chuyên môn. Trên cơ sở thực tiễn địa phương, ngày 2-9-1961, Đảng bộ huyện Bạch Thông ra quyết định thành lập Chi bộ xã Cộng Hòa với 3 đảng viên¹. Chi bộ Đảng xã Cộng Hòa ra đời là sự kiện có ý nghĩa to lớn, đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng của xã.

Sau khi thành lập, Chi bộ xã tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ nhất nhiệm kỳ 1961-1963. Đại hội nhất trí đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1961-1963 là: Hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp nông thôn, tăng cường sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền... Đại hội bầu đồng chí Triệu Đức Vi làm Bí thư Chi bộ.

Tiếp đó, đầu năm 1963, Chi bộ xã Cộng Hòa tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1963-1965. Đại hội tiếp tục khẳng định nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm kỳ 1963-1965 là tiếp tục xây dựng và củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, đảm bảo đời sống của xã viên. Đại hội bầu đồng chí Triệu Đức Vi giữ chức vụ Bí thư Chi bộ.

Sau các kỳ Đại hội, Chi bộ và chính quyền xã chỉ đạo nhân dân thực hiện nghị quyết Đại hội. Trọng tâm chính trong phát triển kinh tế, chính trị của xã là: Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Từ thành công

¹ Gồm các đồng chí: Triệu Đức Vi, Lý Thị Thanh, Nông Văn Chu.

của mô hình Hợp tác xã Cư Tiên, Chi bộ Đảng và chính quyền xã tiếp tục vận động nhân dân thực hiện con đường sản xuất mới xã hội chủ nghĩa và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Năm 1961, xã thành lập thêm được 3 hợp tác xã nông nghiệp mới là Hợp tác xã Nà Rào do ông Vũ Hoàng Liệm làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Quăn (gồm các thôn Quăn, Ngoàn, Nà Cà) do ông Triệu Văn Mạ làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Nậm Lợn (gồm thôn Nà Muồng và Nam Yên) do ông Hoàng Văn Tần làm Chủ nhiệm.

Để nâng cao năng lực quản lý hợp tác xã, Ban Quản trị hợp tác xã tích cực đưa cán bộ đi dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng về công tác quản lý, về nghiệp vụ, về khoa học kỹ thuật do tỉnh, huyện tổ chức. Các xã viên đều được học tập và cụ thể hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật như thả nhưỡng, thủy lợi kiến thiết đồng ruộng; xây dựng cụ thể các phương án kỹ thuật liên hoàn từ nước, phân, cần, giống đến phòng trừ dịch bệnh. Được sự giúp đỡ của cán bộ huyện, trong năm 1963, các hợp tác xã đã bước đầu thực hiện công tác “ba khoán, ba quản”¹ thu được nhiều kết quả tích cực. Lợi ích của hợp tác xã và xã viên ngày càng được củng cố.

Trong các hợp tác xã nông nghiệp, phong trào thi đua sản xuất “Vượt gió Đại Phong, Đông - Xuân chiến thắng”, “Biển ruộng cạn thành ruộng nước”, “Biển ruộng một vụ thành ruộng hai vụ”... diễn ra sôi nổi. Chi bộ, chí-

1. “Ba khoán” là: Khoán diện tích, khoán sản lượng, khoán công điểm. “Ba quản” là: Quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài chính và tư liệu sản xuất.

nh quyền xã đẩy mạnh các chiến dịch làm phân, làm thủy lợi, mở rộng diện tích canh tác vụ đông xuân, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong sản xuất... để tăng năng suất cây trồng. Trong sản xuất, các biện pháp kỹ thuật thâm canh và sử dụng nông cụ cải tiến được sử dụng rộng rãi, đất được đảm bảo cày sâu, bừa kĩ.

Công tác làm thủy lợi được đặc biệt quan tâm. Hợp tác xã phát động xã viên tích cực gia cố và cải tạo hệ thống mương phai vốn có, đồng thời đào thêm mương máng, lắp máy bơm, bắc ống dẫn đưa nước về ruộng đồng, đảm bảo đủ nước cho sản xuất hai vụ trong năm.

Nhờ các biện pháp tích cực trên, diện tích cây trồng của xã liên tiếp được mở rộng, sản lượng và năng suất lúa được nâng lên, năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 1961, năng suất lúa đạt 295 kg/bung¹/năm, bình quân lương thực đạt 337 kg/người, đến năm 1965, năng suất đạt 317 kg/bung/năm.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi cũng được quan tâm phát triển. Đàn gia súc, gia cầm của xã phát triển tốt. Đặc biệt trong chăn nuôi gia súc như trâu, bò nhân dân đã chú ý đến việc làm chuồng trại để tránh rét mùa đông. Nhờ đó, giảm được tình trạng trâu bò chết vì rét và bệnh tật.

Lâm nghiệp luôn giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã. Với thế mạnh về rừng, nền tảng kinh tế lâm nghiệp của xã đã được xây dựng từ trước, chính quyền xã tiếp tục đẩy mạnh các ngành nghề về khai thác, vận chuyển vào tiền tuyến, phục vụ cho chiến trường. Bên

1. 1 bung = 1.000m²

cạnh khai thác, xã chủ trương tăng cường tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt phá rừng làm rẫy. Rừng bước đầu được quan tâm bảo vệ và khai thác có hiệu quả, hạn chế được những tác động xấu do tập quán du canh du cư, đốt rừng làm rẫy của đồng bào gây ra...

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, Chi bộ xã ra sức lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, đời sống tinh thần của người dân, góp phần đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật cho địa phương. Cùng với việc duy trì và phát triển các lớp học “Bình dân học vụ”, xã tập trung đẩy mạnh giáo dục phổ thông. Năm 1965, trường cấp I xã được thành lập đặt tại khu vực Nà Rào. Tuy cơ sở vật chất của nhà trường còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ giáo viên gồm thầy Nguyễn Văn Tùng (xã Lục Bình), thầy Luân Văn Thành (xã Tú Trĩ), nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nâng cao chất lượng dạy và học. Học sinh luôn chăm ngoan, thầy cô giáo tận tâm với nghề.

Công tác văn hóa thông tin tuyên truyền được thực hiện đến khắp các thôn bản. Nội dung tuyên truyền chủ yếu về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nếp sống văn hóa mới, góp phần nâng cao hiểu biết, xây dựng nếp sống văn hóa mới cho quần chúng nhân dân.

Công tác y tế được chú trọng, đặc biệt trong chăm lo sức khỏe bà mẹ trẻ em. Ban Y tế xã phối hợp với Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên tuyên truyền về sức khỏe sinh sản, vận động phụ nữ sinh đẻ ở trạm xá... Một số dịch

bệnh của trẻ em như ho gà, trực tràng đường ruột... đều được phòng ngừa hiệu quả.

Trong Đại hội lần thứ III (1960) của Đảng Lao động Việt Nam đã đi đến thống nhất về các nhiệm vụ của kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ nhất, Nghị quyết chỉ rõ: “Phải phân bố hợp lý sức sản xuất ở đồng bằng, trung du và miền núi, điều chỉnh sức người giữa các vùng, quy hoạch từng bước các vùng kinh tế, thực hiện sự phân công phối hợp giữa các vùng kinh tế với nhau”. Theo đó, Đảng ta đã tổ chức nhiều đợt di dân từ các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng lên sinh sống và sản xuất tại các địa phương miền núi và trung du phía Bắc. Năm 1963, có 26 hộ từ xã Xuân Trường (Nam Định) lên xã Cộng Hòa để xây dựng kinh tế mới. Chi bộ, chính quyền xã đã chủ động chỉ đạo sắp xếp chỗ ở cho đồng bào mới đến sinh sống tại các bản Nà Cà, Nà Rào, Pác Thiên, Nà Lốc, huy động nhân dân các thôn, bản giúp đỡ dựng nhà, phân chia ruộng để đồng bào có thể nhanh chóng ổn định đời sống, sản xuất.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, trong giai đoạn 1961-1965, công tác an ninh quốc phòng của xã tập trung vào nhiệm vụ phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện xây dựng vùng xung yếu. Tài liệu học tập là Chỉ thị 51-CT/TW của Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn, Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc trấn áp bọn phản cách mạng ở địa phương. Ban Công an xã cùng với Ban Quân sự tăng cường kiểm soát, nắm vững tình hình, phân loại từng đối tượng, đề ra biện pháp giải quyết từng vụ việc cụ thể. Nhờ đó làm rõ được nhiều vụ phao tin đồn gây hoang mang trong dân chúng và nhiều vụ việc tiêu

cực khác xảy ra trên địa bàn, góp phần quan trọng ổn định tư tưởng, chính trị trong nhân dân, giữ vững trị an xã hội, củng cố khối đoàn kết thống nhất dân tộc và phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất.

Trong nhiệm vụ chính trị, Chi bộ xã không ngừng củng cố, rèn luyện, nâng cao ý thức chính trị và trình độ lãnh đạo. Mỗi đảng viên phải nêu cao tinh thần giác ngộ chủ nghĩa xã hội, phẩm chất và năng lực nghiệp vụ, đồng thời kiên quyết đấu tranh khắc phục những biểu hiện lệch lạc như chủ nghĩa cá nhân, tham ô lãng phí, bảo thủ, quan liêu mệnh lệnh. Hàng năm, nghiêm túc thực hiện tự kiểm điểm để chỉnh đốn bản thân. Tích cực tham gia cuộc vận động xây dựng Chi bộ, Đảng bộ “Bốn tốt”, phấn đấu trở thành đảng viên “Năm tốt” theo Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Công tác phát triển đảng viên cũng được quan tâm. Qua lao động sản xuất, học tập và sinh hoạt đoàn, hội, các cá nhân ưu tú được bồi dưỡng, giới thiệu và kết nạp vào Đảng. Bởi vậy, số đảng viên trong Chi bộ xã không ngừng tăng lên. Đến năm 1964, toàn xã có 10 đảng viên.

Hệ thống chính quyền xã được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Năm 1964, theo Quyết định 150-QĐ/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã, thị trấn của tỉnh Bắc Kạn, xã Cộng Hòa đổi tên là xã Nguyên Phúc, Ủy ban hành chính xã Cộng Hòa đổi tên thành Ủy ban hành chính xã Nguyên Phúc.

Mặt trận Tổ quốc xã luôn đi tiên phong trong cuộc vận động nhân dân hưởng ứng phong trào thi đua “Phấn đấu vượt mức kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất”,

“Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” và thực hiện các nhiệm vụ: Mở rộng quy mô, củng cố, cải tiến quản lý hợp tác xã, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp... Mặt trận cũng là cầu nối tích cực giữa chính quyền và nhân dân trong việc truyền tải nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân lên chính quyền cũng như phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân. Qua đó, thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của xã đi lên.

Công tác đoàn hội cũng được quan tâm rất sát sao. Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức cho đoàn viên học tập Huấn thị của Bác Hồ, các nghị quyết của Đảng, của Đoàn; phát động đoàn viên đi đầu trong công tác phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với tinh thần nhiệt huyết của tuổi trẻ “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”, “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”; không ngừng học tập, tự trau dồi, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức chính trị; thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, tổ chức tốt các phong trào thi đua do Trung ương Đoàn phát động như “Thanh niên tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm”, “Ba sẵn sàng”¹.

Hội Phụ nữ tích cực tham gia vào phong trào phát triển kinh tế cũng như thực hiện tốt công việc gia đình, theo nội dung tinh thần do Trung ương Hội phát động như “Ba đảm đang”, “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Phụ nữ 5 tốt”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”...

1. “Ba sẵn sàng”: sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng làm bất cứ nhiệm vụ gì khi Tổ quốc cần.

Trong chặng đường phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhân dân xã đã giành được những thành tựu quan trọng. Sản xuất ngày càng phát triển, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng cao. Các hợp tác xã bước đầu được củng cố và hoạt động đi vào nền nếp. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ trong các hợp tác xã bước đầu trưởng thành về mọi mặt. Những kinh nghiệm chỉ đạo sản xuất và năng lực quản lý kinh tế trong phạm vi của hợp tác xã được nâng lên...

Đây cũng là khoảng thời gian Đảng bộ và nhân dân trong xã không ngừng cố gắng, thực hiện tốt các kế hoạch đề ra. Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng những thành tựu trong hơn 10 năm (1954-1965) phát triển đã khẳng định con đường Đảng chọn là đúng đắn. Bộ mặt các thôn bản trong xã đang được thay da đổi thịt, ấm no và sạch đẹp hơn. Đây là động lực quan trọng để Chi bộ và chính quyền tiếp tục phấn đấu trong những chặng đường tiếp theo, quyết tâm đưa Nguyên Phúc thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu trở thành xã tiên tiến trong huyện, mang lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN ĐẾN NGÀY TOÀN THẮNG (1965-1975)

1. Nguyên Phúc trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965-1968)

Trước hành động leo thang về quân sự của đế quốc Mỹ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3-1965) đã xác định: Một là, phải xây dựng miền

Bắc thành hậu phương lớn, vững chắc cho cách mạng miền Nam, đồng thời đảm bảo đời sống cho nhân dân và đáp ứng nhu cầu tại chỗ; hai là, phải đánh thắng chiến tranh phá hoại của Mỹ. Từ nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Huyện ủy Bạch Thông, Chi ủy xã Nguyên Phúc đã triển khai nhanh các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Chi bộ và phổ biến sâu rộng trong nhân dân địa phương nhằm quán triệt những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào.

Giữa năm 1965, Đại hội Chi bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1965-1967 được tổ chức. Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể cho tình hình mới là: duy trì sản xuất, đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho tiêu dùng nội bộ và các cơ quan đóng trên địa bàn xã, đồng thời đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đại hội bầu đồng chí Triệu Đức Vì làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Chu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

1. Ngày 1-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

Tiếp đó, cuối năm 1967, Đại hội Chi bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1967-1969 được tổ chức. Với số lượng đảng viên đạt 10 đồng chí, lần đầu tiên Chi bộ xã Nguyên Phúc bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí: Triệu Đức Vi - Bí thư Chi bộ¹, Nông Văn Chu - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã), Hoàng Văn Hưng - Chi ủy viên - Xã Đội trưởng.

Sau các kỳ Đại hội, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc đã nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Quân và dân trong xã nêu cao khẩu hiệu “Chắc tay súng, vững tay cày”, vừa tích cực đẩy mạnh sản xuất vừa chuẩn bị các điều kiện về quân sự, sẵn sàng chiến đấu. Trong 4 năm (1965-1968), nhân dân trong xã đã đào được hàng trăm hầm ếch, hầm chữ A cùng hàng nghìn mét giao thông hào. Một số điểm trọng yếu được xây dựng thành nơi báo động để sẵn sàng thông báo cho nhân dân phòng tránh máy bay Mỹ đến oanh tạc.

Lực lượng dân quân với số lượng trên 40 người, biên chế thành các tiểu đội. Toàn xã có một trung đội mạnh, do đồng chí Hoàng Văn Hưng - Xã Đội trưởng phụ trách trực tiếp với lực lượng chủ yếu là thanh niên. Công tác huấn luyện lực lượng dân quân được tiến hành thường xuyên. Cùng với huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật đánh máy bay Mỹ, đánh địch đồ bộ đường không là tiến hành rèn luyện về thể lực theo phương châm “vai ngàn cân, chân vạn dặm”. Bên cạnh dân quân, một lực lượng thanh

1. Năm 1968, đồng chí Trần Văn Cậm thay đồng chí Vi làm Bí thư Chi bộ.

niên xung kích đông đảo cũng được thành lập, có nhiệm vụ đảm bảo giao thông suốt trong mọi tình huống, khắc phục nhanh chóng hậu quả do địch đánh phá hoặc thiên tai gây nên.

Để thực sự trở thành hậu phương lớn và vững chắc góp phần đánh thắng giặc Mỹ, Chi bộ xã Nguyên Phúc đặc biệt coi trọng chỉ đạo sản xuất lương thực, thực phẩm trên cả 3 mặt: Tăng năng suất cây trồng, thực hành tiết kiệm và quyết tâm thực hiện mức trên giao. Các khẩu hiệu “Giỏi tay cày, chắc tay súng”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Người người thi đua, nhà nhà thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua”, trở thành hành động cụ thể của người dân trong toàn xã.

Từ năm 1965-1968, với hoàn cảnh khó khăn, phức tạp là vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, xã Nguyên Phúc đã hợp nhất các hợp tác xã. Hợp tác xã Cư Tiên và Hợp tác xã Nà Rào sáp nhập thành Hợp tác xã Đồng Tiên do ông Triệu Văn Pèng làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã Quăn và Hợp tác xã Nậm Lợn sáp nhập thành Hợp tác xã Phương Hồng do ông Trần Văn Bường làm Chủ nhiệm.

Sau khi hợp nhất các hợp tác xã với quy mô lớn hơn, để tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã tiến hành cải tiến quản lý vòng 2. Cán bộ chủ chốt trong hợp tác xã được cử đi học, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Ban Quản trị các hợp tác xã lập kế hoạch quản lý và phân phối lao động, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, chi phí sản xuất cho từng ngành nghề. Công việc được phân công cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng

chồng chéo, góp phần tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao hiệu quả lao động. Qua cải tiến vòng 2, các hợp tác xã đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng quy hoạch đồng ruộng và hệ thống thủy nông.... Các đội chuyên về giống, thủy lợi, chế biến phân bón, chăn nuôi và ngành nghề... cũng được thành lập.

Từ năm 1965, với khẩu hiệu “Gian khổ làm thủy lợi 3 năm để hưởng hạnh phúc lâu dài”, xã tiến hành sửa sang, tu bổ nhiều hệ thống mương phai cũ, đồng thời đào đắp mới một số máng tiêu lớn. Đặc biệt, năm 1968, địa phương đã huy động nhân lực toàn xã để hoàn thành đập thôn Quăn, góp phần đảm bảo nước tưới cho 20ha ruộng ở thôn Quăn, Nà Rào.

Do làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, kết hợp với thủy lợi nội đồng thuận lợi tưới tiêu nên đến năm 1968, hầu hết các hợp tác xã tại Nguyên Phúc đạt năng suất lúa 2,1 tấn/ha/năm. Hàng năm, xã giao nộp thuế cho Nhà nước từ 24-26 tấn lương thực, 4-5 tấn thực phẩm, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu được giao.

Bên cạnh trồng trọt, Chi bộ xã cũng chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi. Vì thế số lượng đàn gia súc, gia cầm ngày càng tăng, nhất là ở các hộ gia đình, góp phần giải quyết cơ bản nhu cầu thực phẩm của nhân dân. Năm 1968, xã có 207 con trâu, bò, 263 con lợn, 23.569 con gà, vịt.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, công tác văn hóa thông tin góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nâng cao tinh thần

yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các hợp tác xã đều có đội văn nghệ xung kích biểu diễn, động viên nhân dân phấn khởi thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Công tác giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe của nhân dân cũng được quan tâm. Năm 1965, trường cấp I xã Nguyên Phúc được thành lập do thầy giáo Nguyễn Văn Tùng làm Hiệu trưởng. Buổi đầu, nhà trường gặp rất nhiều khó khăn do giáo viên thiếu, cơ sở vật chất đơn sơ, chỉ có 1 ngôi nhà gỗ 5 gian lợp tranh tre tại Nà Rào. Tuy nhiên, vượt lên trên tất cả, thầy và trò vẫn đến lớp, đến trường đầy đủ, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm luôn đạt cao.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Trạm trưởng là bà Lý Thị Tanh cùng đội ngũ y sĩ, y tá của trạm được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, y đức, ngoài việc chữa bệnh cho nhân dân, còn sẵn sàng tham gia phục vụ chiến đấu, cứu thương khi máy bay Mỹ ném bom các địa phương bạn tại thị trấn Phủ Thông và thị xã Bắc Kạn. Phong trào vệ sinh đường sá được duy trì với lực lượng chủ yếu là học sinh các nhà trường và Đội Thiếu niên tiền phong.

Trên mặt trận an ninh, phong trào thực hiện 7 nội dung bảo vệ trị an nông thôn, thực hiện khẩu hiệu “ba không” được đông đảo nhân dân ủng hộ. Tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân được nâng cao, an ninh trật tự trong xã được giữ vững.

Hưởng ứng phong trào “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, hàng năm, xã có 2-3 đợt tuyển quân, mỗi đợt đều có từ 3-4 thanh niên lên đường nhập ngũ. Ngoài ra, xã

còn có một số thanh niên xung phong vào các tuyến lửa, làm nhiệm vụ san lấp, mở đường cho bộ đội hành quân vào Nam.

Về công tác Đảng, cuộc vận động xây dựng Chi bộ “Bốn tốt”, đảng viên “Năm tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Quần chúng tham gia phê bình đảng viên và đề xuất các ý kiến đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi ủy. Đảng viên tiến hành tự phê bình và phê bình, nghiêm túc phát hiện sai lầm và khắc phục những hạn chế. Qua đợt kiểm tra dân chủ, phong trào ở những nơi yếu kém có chuyển biến tích cực.

Bên cạnh đó, Chi bộ cũng rất quan tâm tới việc xây dựng chính quyền. Cuối năm 1966, thực hiện Chỉ thị số 143-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Chi ủy xã Nguyên Phúc tổ chức tuyên truyền, vận động cử tri hăng hái đi bầu cử.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên các đoàn thể thành viên và nhân dân hăng hái tham gia các phong trào trong sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đoàn Thanh niên phát động phong trào “Ba sẵn sàng” sâu rộng trong đoàn viên, thanh niên. Với tinh thần “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, hàng chục thanh niên xã đã ghi tên tình nguyện lên đường nhập ngũ hoặc tham gia lực lượng vũ trang địa phương. Hội Phụ nữ Nguyên Phúc hưởng ứng phong trào “Ba đảm đang”, phát huy nhiệt tình cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận công việc cho chồng, con, em yên tâm lên đường chiến đấu. Các cụ bô lão cũng thi đua với con cháu trong các phong trào “Ba hăng hái”, “Bạch đầu quân”.

Càng leo thang chiến tranh, đế quốc Mỹ càng gặp phải nhiều thất bại nặng nề, quân và dân ta ở 2 miền Nam Bắc ngày càng giành thắng lợi lớn. Từ tháng 11-1968, Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá toàn miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán 4 bên ở Pa-ri. Tranh thủ thời gian hòa bình, Chi bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc tập trung phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

2. Đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1972)

Ngày 3-11-1968, sau khi Tổng thống Mỹ Giôn-xon tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước anh dũng tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Người nhấn mạnh: “Quân và dân miền Bắc quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, luôn luôn nâng cao cảnh giác, tự lực cánh sinh, tăng cường lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu mới của địch”.

Trong tình hình cách mạng cả nước có nhiều chuyển biến, tháng 5-1969, Chi bộ xã Nguyên Phúc tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1969-1970. Đánh giá về những thành tích đạt được trong những năm 1965-1968, Đại hội nhấn mạnh trong những năm tới cần phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng “Chi bộ 4 tốt”, đảm bảo tốt công tác phòng không nhân dân, bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu

và chiến đấu có hiệu quả trong bất cứ tình huống nào. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm các đồng chí: Trần Văn Cậm giữ chức vụ Bí thư Chi bộ; Nông Văn Chu giữ chức vụ Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã); Triệu Đức Vĩ là Chi ủy viên.

Ngày 10-10-1970, Đại hội Chi bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1970-1972 được tổ chức. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy gồm 4 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Cậm giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Phạm Đức Luyện giữ chức vụ Phó Bí thư, đồng chí Triệu Đức Vĩ là Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Tống Đình Lâm là Chi ủy viên¹.

Tiếp đó ngày 10-3-1972, Chi bộ xã Nguyên Phúc tổ chức Đại hội Chi bộ, nhiệm kỳ 1972-1973. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí. Trong đó, đồng chí Trần Văn Cậm được bầu giữ chức vụ Bí thư, đồng chí Triệu Đức Vĩ giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Chi ủy viên gồm các đồng chí: Nông Văn Chu, Trần Văn Bường, Đinh Xuân Tác².

Sau các kỳ Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã tranh thủ thời gian hòa bình tích cực đẩy mạnh sản xuất. Trong 2 năm 1969-1970, sản xuất nông nghiệp của xã gặp không ít khó khăn, một mặt là do thiên tai liên

1. Trích theo Nghị quyết số 83-NQ/BT ngày 14-10-1970 của Huyện ủy Bạch Thông về việc công nhận Ban Chấp hành Chi ủy mới khóa năm 1970. Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã.

2. Trích theo Nghị quyết số 06-NQ/BT ngày 18-03-1972 của Huyện ủy Bạch Thông về công nhận Ban Chấp hành Chi ủy mới khóa năm 1972. Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã.

tiếp xảy ra, mặt khác do lực lượng thanh niên tòng quân vào Nam chiến đấu hoặc tham gia thanh niên xung phong nên thiếu lao động trẻ khỏe trên đồng ruộng. Vì vậy, các hợp tác xã chỉ đạo xã viên tăng cường áp dụng biện pháp mới về kỹ thuật để thâm canh tăng năng suất, tăng vụ và tăng diện tích gieo trồng với các khẩu hiệu “Ngày làm thêm giờ, giờ làm thêm việc”, “Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm”.

Là xã có diện tích rừng tương đối lớn, Chi bộ xã Nguyễn Phúc chỉ đạo các trưởng thôn và đội trưởng sản xuất tổ chức cho nhân dân học tập về chính sách bảo vệ rừng của Nhà nước. Phong trào “trồng cây, gây rừng” bước đầu được triển khai tại các bản Quăn và Nà Rào.

Giữa lúc Chi bộ và nhân dân Nguyễn Phúc đang ra sức thi đua phát triển sản xuất, thì nhận được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng và dân tộc qua đời vào ngày 2-9-1969. Người để lại bản Di chúc lịch sử, thể hiện niềm tin tưởng vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chi bộ và nhân dân Nguyễn Phúc đã tổ chức lễ truy điệu trọng thể và để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh trong 7 ngày.

Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị mở đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch”. Chi bộ và nhân dân Nguyễn Phúc đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong nhân dân, từ cuối tháng 9-1969 đến đầu năm 1970. Biền đau thương thành hành động cách mạng, Chi bộ và nhân dân trong xã đoàn kết, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Đầu năm 1970, Chi bộ lãnh đạo triển khai thực hiện 3 cuộc vận động lớn: Lao động sản xuất, phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn, nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh do Trung ương Đảng đề ra. Thông qua các cuộc vận động đó, quyền làm chủ tập thể của xã viên trong các hợp tác xã được mở rộng cả về kinh tế, chính trị - xã hội. Xã viên có quyền tham gia phê bình cán bộ, đảng viên về cách làm ăn, cách quản lý, được tham gia bàn bạc kế hoạch sản xuất nên rất phấn khởi, góp phần nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ trong các hợp tác xã.

Từ thành công trong những năm trước, các cán bộ và xã viên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng phân chuồng, phân đạm, bèo hoa dâu, cây thẳng hàng, làm cỏ đúng kỳ, tưới tiêu căn cứ vào thời kỳ sinh trưởng của lúa. Các giống lúa năng suất cao như Nông Nghiệp 5, Nông Nghiệp 8, Bao Thai lùn được đưa vào gieo cấy. Năm 1972, địa phương đã hoàn thành công trình đập thôn Nà Cà, góp phần đảm bảo tưới tiêu nước cho 8ha ruộng tại Nà Cà.

Bước vào vụ xuân năm 1972, do làm tốt công tác thủy lợi, việc cày bừa gieo mạ sớm nên đến cuối tháng 2, các hợp tác xã đã cấy hết diện tích. Cả năm 1972, xã đạt năng suất lúa 2,3 tấn/ha, sản lượng lương thực gần 300 tấn, làm nghĩa vụ cho Nhà nước 25 tấn thóc và 4 tấn thịt lợn hơi.

Mặc dù ở trong điều kiện khó khăn, bị thiên tai đe dọa, những năm 1971-1972, hợp tác xã vẫn đầy mạnh

phát triển chăn nuôi. Chăn nuôi gia đình cũng được mở rộng, bình quân mỗi hộ gia đình có 1 đầu lợn và trên 10 con gà, vịt. Đàn gia súc lớn trâu, bò được giữ vững, đảm bảo sức kéo phục vụ sản xuất nông nghiệp và cung cấp thực phẩm cho nhân dân.

Về công tác xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW và 3 cuộc vận động lớn của Bộ Chính trị, Chi bộ xã Nguyên Phúc đề ra kế hoạch, biện pháp rèn luyện, nâng cao năng lực nhận thức, tư duy, phẩm chất đạo đức cách mạng cho đảng viên trên các lĩnh vực công tác, lao động, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng cán bộ, đảng viên có sự chuyển biến rõ rệt về “4 nghĩa vụ”¹, “5 dứt điểm”², số lượng đảng viên đạt tiêu chuẩn “Năm tốt” ngày càng tăng. Tuy nhiên, sự đấu tranh trong nội bộ Đảng đôi khi còn nể nang, việc giải quyết một số vấn đề cụ thể chưa đạt nhất trí cao nên phong trào vẫn còn một số mặt trì trệ, hạn chế.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng ta phát động đợt sinh hoạt chính trị lớn và xét kết nạp Đảng cho lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Ở Nguyên Phúc, từ năm 1969-1972, đã có 7 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nâng số đảng viên của Chi bộ lên 18 đồng chí.

Về công tác chính quyền, đoàn thể, Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính xã duy trì sinh hoạt đều đặn, chất lượng

1. Nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước.

2. Dứt điểm về công nợ nhập nhằng, chấm dứt móc ngoặc, mua bán sai chính sách, chấm dứt lấn chiếm đất hợp tác xã, chấm dứt chèn chèn không chính đáng, chấm dứt tham ô và để quỹ đen tiêu riêng.

chỉ đạo sản xuất và quản lý mọi mặt đời sống được nâng cao. Mặt trận Tổ quốc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân xung quanh Chi bộ. Các đoàn thể quần chúng trong khối Mặt trận ra sức đẩy mạnh thi đua yêu nước. Phong trào làm phân xanh bón ruộng, nuôi bèo hoa dâu của Đoàn Thanh niên tạo nên khí thế sôi nổi, rộng khắp, thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Hội Phụ nữ vận động hội viên tích cực lao động sản xuất, động viên chồng, con lên đường tòng quân cứu nước. Chị em trở thành lực lượng lao động chính trên đồng ruộng, đảm nhiệm hầu hết các công việc nặng nhọc như cày, bừa, thu hoạch...

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội được Chi bộ và chính quyền coi trọng. Qua các đợt tuyên truyền, vận động xây dựng địa phương vững mạnh, quân và dân trong xã đều thực hiện tốt khẩu hiệu “ba không”. Ban Công an xã theo dõi chặt chẽ, xử lý những phần tử nghi ngờ làm gián điệp, biệt kích. Lực lượng dân quân học tập chính trị và tham gia các buổi huấn luyện chiến thuật bộ binh, kỹ thuật rà phá bom, mìn, bắn máy bay địch bằng súng bộ binh... Song song với việc củng cố, xây dựng lực lượng dân quân, công tác tuyển quân được chú trọng. Với phương châm: “Động viên toàn dân tham gia vào nhiệm vụ xây dựng quân đội và làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc”, trong 4 năm (1969-1972), xã Nguyên Phúc luôn hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân với 35 thanh niên đăng ký tham gia nghĩa vụ quân sự.

Các mặt văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế luôn được Chi bộ và chính quyền xã quan tâm. Công tác thông tin,

tuyên truyền đảm bảo cung cấp kịp thời tin tức, thời sự cho quần chúng nhân dân. Y tế xã có nhiều cố gắng, góp phần hạn chế bệnh tật, tăng cường sức khỏe cho nhân dân. Trong giáo dục, phong trào thi đua “Hai tốt”, noi gương các trường tiên tiến, kết hợp chặt chẽ giữa học tập và lao động có bước tiến đáng kể. Từ năm 1970, trường dân tộc nội trú của tỉnh đã về sơ tán tại Nà Mị - thôn Pác Thiên.

Ngày 6-4-1972, Tổng thống Mỹ Ních-xon tuyên bố ném bom trở lại miền Bắc. Với tinh thần chủ động, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Nguyên Phúc nhanh chóng chỉ đạo công tác phòng không nhân dân và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Hầm, hào được tu sửa, đào mới. Nhà cửa, trụ sở Ủy ban... được nguy trang. Hệ thống loa đài, còi báo động đều được kiểm tra, tập dượt kĩ càng, đảm bảo liên lạc kịp thời và thông suốt. Hợp tác xã tổ chức phân bổ lao động, đảm bảo vừa có người đi chiến đấu, vừa có người tham gia sản xuất.

Trải qua 4 năm (1969-1972), cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Nguyên Phúc đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ và thu được những thành quả quan trọng. Sản xuất có bước phát triển nhất định, các mặt văn hóa, y tế, giáo dục được giữ vững. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng không ngừng được củng cố, kiện toàn, ngày càng phát huy vai trò, nhiệm vụ. Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Chi bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc còn hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền

Nam, góp phần bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam ruột thịt, thống nhất nước nhà.

3. Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1973-1975)

Cuộc tập kích chiến lược bằng pháo đài bay B52 vào Thủ đô Hà Nội trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 thất bại thảm hại buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Song với bản chất ngoan cố, tuy đã rút quân viễn chinh về nước nhưng đế quốc Mỹ vẫn để lại lực lượng cố vấn và viện trợ vũ khí, trang bị cho chính quyền Sài Gòn tiếp tục âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước những biến chuyển căn bản của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của miền Bắc: “Ra sức khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân”, “Tiếp tục làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam”.

Nhằm quán triệt thực hiện chủ trương của Đảng, Theo chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, ngày 21-10-1973, Đại hội Chi bộ xã Nguyên Phúc, nhiệm kỳ 1973-1975 được tổ chức. Đại hội đã tổng kết việc thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1972-1973, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới với trọng tâm là phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến.

Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Cầm làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Triệu Đức Vì làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính

xã), Chi ủy viên gồm các đồng chí Trần Văn Bường, Đinh Xuân Tác, Triệu Long Phát¹.

Với quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, Chi bộ xã Nguyên Phúc lãnh đạo nhân dân thi đua thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, hoàn thành tốt các đợt tuyển quân, huy động lương thực, thực phẩm theo kế hoạch chỉ đạo của Nhà nước.

Vụ xuân năm 1973, thời tiết không thuận lợi, rét đậm kéo dài, làm cho nhiều diện tích mạ, cùng với đàn trâu, bò bị chết rét gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất. Trước tình hình đó, Chi ủy đã lãnh đạo hợp tác xã tổ chức khắc phục hậu quả. Cùng với đó, hợp tác xã đẩy mạnh cuộc cách mạng giống, đưa các giống Mộc Tuyền, nếp là giống dài ngày, các giống IR23, C63, 661 là giống ngắn ngày vào sản xuất. Đồng thời, còn xây dựng lò thúc mầm ngâm ủ trong nhiệt độ 54°C, đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao và khử các loại nấm bệnh. Các phong trào làm bèo hoa dâu, lấy bùn ủ khô, rải vôi bột cải tạo đất được phát triển rộng rãi. Bên cạnh việc bón phân chuồng, duy trì mỗi héc-ta bón từ 120-150kg đạm sunfat kết hợp bón phân lân theo yêu cầu. Do làm tốt các biện pháp thâm canh nên đến năm 1974, xã đạt năng suất lúa bình quân 2,3 tấn/ha.

Việc chăn nuôi trâu, bò lấy sức kéo phục vụ cho nông nghiệp được đẩy mạnh thành phong trào. Nhiều gia đình đã nhận chăn nuôi trâu, bò và phát triển số lượng tăng lên

1. Trích theo Nghị quyết số 03-NQ/BT ngày 12-1-1974 của Huyện ủy Bạch Thông về việc công nhận Ban Chấp hành Chi ủy mới khóa 1973. Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã.

nhANH chóng. Ngoài ra, xã còn tập trung phát triển đàn lợn, đảm bảo lượng thực phẩm phục vụ cho nhân dân địa phương và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1975, toàn xã có 382 con trâu, bò, 475 con lợn, 4.319 con gia cầm.

Hợp tác xã mua bán mở rộng mạng lưới giao thương, trao đổi hàng hóa, cung cấp và phân phối nhiều mặt hàng thiết yếu cho nhân dân. Từ năm 1973-1975, chính quyền xã còn huy động nhân lực, hoàn thành 3km đường từ thôn Quăn đến Pác Thiên và 3km đường từ Nà Cà đến Nam Yên. Nhờ đó, bộ mặt nông thôn của Nguyên Phúc không ngừng được thay đổi, trên 20% số hộ có nhà ngói, sân phơi.

Phong trào xây dựng lối sống mới đã cuốn hút đông đảo người dân, bà con các bản đoàn kết, yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Hoạt động văn nghệ quần chúng diễn ra rất sôi nổi, đáp ứng nhu cầu tinh thần phong phú của nhân dân. Hoạt động giáo dục đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh. Y tế xã trong những năm 1974-1975 đạt kết quả quan trọng: Công tác vệ sinh phòng bệnh được tăng cường, trạm xá bảo đảm điều trị bệnh phục vụ cho nhân dân kịp thời.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, lực lượng công an và dân quân xã được học tập chính trị để thông suốt chủ trương của cấp trên đề ra trong hoàn cảnh mới. Hàng năm, xã đều làm tốt công tác hậu phương quân đội. Khi giấy báo tử từ chiến trường đưa về, Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở Nguyên Phúc đã long trọng

tổ chức lễ truy điệu cho các liệt sĩ và nhanh chóng tiến hành hoạt động đền ơn đáp nghĩa đối với các gia đình có công với nước.

Về công tác xây dựng Đảng, vấn đề bồi dưỡng, phát triển đảng viên được coi trọng. Hàng năm, Chi bộ đều kết nạp thêm đảng viên mới. Tính đến năm 1975, toàn Chi bộ có 23 đồng chí sinh hoạt tại 2 tổ Đảng trực tiếp lãnh đạo 2 hợp tác xã nông nghiệp. Ban Chi ủy Chi bộ từ nhiệm kỳ 1973 trở đi đủ điều kiện bầu 5 đồng chí.

Do nhu cầu phục vụ tiền tuyến, nhiều đồng chí được điều động đi công tác ở các ngành kinh tế, vận tải hoặc tái ngũ. Để đáp ứng với yêu cầu thực tế, Chi bộ chọn lựa, bổ sung nhiều cán bộ nữ vào cấp ủy và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, chính quyền. Mặt khác, Chi bộ cũng chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật nông nghiệp, thú y, thống kê, kế hoạch... Nhờ đó, trình độ, năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt không ngừng được nâng lên.

Sự vững mạnh của Chi bộ là điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động của chính quyền. Nhiều cán bộ trẻ, có năng lực và trình độ được lựa chọn đảm nhiệm các chức vụ công tác trong chính quyền, đoàn thể.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục củng cố và phát huy tác dụng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Nguyên Phúc đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, giữ gìn an ninh. Các hội viên Hội Phụ nữ luôn thực hiện vai trò là lực lượng lao động chính ở quê hương, đảm bảo công việc nhà để chồng con yên tâm lên đường chiến đấu. Nhiều chị em

đặt danh hiệu “chăn nuôi giỏi”, “kiện tướng làm phân”... Thời gian này, phong trào “Ba mũi xung kích thắng Mỹ”¹, “ba sào, năm việc”² phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Các em học sinh có phong trào kế hoạch nhỏ và tham gia công tác Trần Quốc Toản, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội...

Cuối tháng 11-1974, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Trong không khí cả nước tập trung toàn lực cho miền Nam đi đến giành thắng lợi cuối cùng, công tác tuyển quân được đặc biệt chú trọng. Một số thanh niên, dân quân xã Nguyên Phúc đã viết đơn tình nguyện nhập ngũ. Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, thành phố Sài Gòn và miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc vẻ vang. Niềm vui miền Nam giải phóng, giang sơn quy về một mối thống nhất đã tràn ngập khắp các thôn bản và từng gia đình trên địa bàn xã. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Nguyên Phúc tổ chức mít tinh, treo cờ, ảnh Bác và biểu ngữ chào mừng ngày đại thắng.

1. Ngày giờ lao động cao, tay nghề giỏi, công cụ tốt, làm đúng quy trình sản xuất và phục vụ chiến đấu, đảm đang việc nước, việc nhà, xây dựng tình trong sáng, thủy chung, xây dựng gia đình văn hóa mới.

2. Nhận chăm sóc ba sào lúa xấu thành tốt, làm thêm lượt cỏ cho lúa và cho hoa màu, tăng thêm phân bón, lúa kín bèo, trồng thêm cây xanh, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phòng trừ sâu và dịch bệnh kịp thời.

Trong chặng đường 21 năm (1954-1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh và đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng. Từ năm 1954-1957, Nguyên Phúc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu xác lập quan hệ sản xuất mới bằng việc xây dựng các tổ đổi công. Từ năm 1958-1960, Nguyên Phúc đẩy quan hệ sản xuất mới phát triển thêm một bước, thành lập được các hợp tác xã nông nghiệp quy mô bản. Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Nguyên Phúc bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, thực hiện thành công chương trình cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật hợp tác xã nông nghiệp. Từ năm 1965-1975, nhân dân Nguyên Phúc vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng 2 hợp tác xã liên bản, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

Trải qua những thử thách đầy khó khăn của hơn 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, diện mạo quê hương Nguyên Phúc có nhiều thay đổi tích cực. Sản xuất phát triển khá đồng đều. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao. Văn hóa, y tế, giáo dục có những bước chuyển biến mới. Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể không ngừng được củng cố và kiện toàn. Trật tự an ninh được đảm bảo. Lực lượng dân quân thường xuyên được huấn luyện, trang bị thêm vũ khí, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Gần 15 năm lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ quê hương, tổ chức Đảng Nguyên Phúc ngày càng phát triển và trưởng thành. Năm 1961, Chi bộ xã Nguyên Phúc được thành lập với 3 đảng viên, đến năm 1975, số lượng đảng viên trong Chi bộ phát triển lên đến 25 đồng chí. Cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng viên “Bốn tốt”, các đợt học tập nghị quyết của Trung ương Đảng đã thực sự làm cho Chi bộ ngày càng vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Hầu hết các đồng chí cán bộ, đảng viên đều nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng, hành động, trưởng thành trong lãnh đạo, quản lý và điều hành.

Từ năm 1965-1975, với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, nhân dân Nguyên Phúc đóng góp cho Nhà nước, cho miền Nam ruột thịt hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, tiễn đưa 135 thanh niên lên đường nhập ngũ, hàng chục thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, trong đó có 18 người đã anh dũng hy sinh, 7 thương binh, 3 bệnh binh.

Với những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, Chi bộ và nhân dân Nguyên Phúc vinh dự được Đảng và Nhà nước khen thưởng. Về tập thể, xã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương lao động hạng Ba, 12 Bằng khen và 15 Giấy khen. Về cá nhân, có 155 người được tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến chống Mỹ các loại (65 Huân chương kháng chiến, 9 Huân chương chiến công, 61 Huy chương kháng chiến, 20 Huy chương

chiến thắng, chiến sĩ vẻ vang) và 2 người được nhận danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ.

Những thành công và bài học kinh nghiệm rút ra từ sự lãnh đạo của Chi bộ đối với phong trào cách mạng trong 21 năm qua vừa là niềm tự hào to lớn, vừa là cơ sở quan trọng cho Chi bộ và nhân dân Nguyên Phúc bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ quê hương, tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Chiến thắng 30-4-1975 đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng, thống nhất đất nước. Từ đây, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, đưa đời sống nhân dân đi lên... Hòa trong niềm vui của dân tộc, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Nguyên Phúc rất vinh dự và tự hào với những thành tích đã đạt được, đặc biệt trong sự nghiệp thống nhất đất nước.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái và Huyện ủy Bạch Thông, ngày 30-10-1975, Chi bộ xã Nguyên Phúc tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1975-1977. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ của Chi bộ và nhân dân xã Nguyên Phúc trong nhiệm kỳ mới là: Đẩy mạnh sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới, tổ chức sắp xếp lại lao động nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm giải quyết vấn đề lương thực thực phẩm đảm bảo đời sống nhân dân. Đồng thời, ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, củng cố

cổ an ninh quốc phòng. Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt.

Đại hội Chi bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1975-1977 bầu 7 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Cầm giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Bường giữ chức vụ Phó Bí thư, phụ trách chính quyền, đồng chí Hoàng Thọ Phúc là Ủy viên Thường trực. Chi ủy viên gồm các đồng chí: Lưu Văn Lu, Triệu Văn Thìn, Đinh Xuân Tác, Triệu Thị Côi¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Chi bộ và chính quyền xã chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân bước vào vụ gieo trồng mới. Các hợp tác xã Phương Hồng và Đồng Tiến thực hiện kế hoạch thâm canh tăng vụ, đưa giống lúa mới như Nông Nghiệp 8, Bao Thái lùn vào sản xuất cả hai vụ, đạt diện tích 75%; thực hiện kỹ thuật gieo thẳng, làm cỏ, sục bùn... Bên cạnh đó, xã còn tăng cường công tác thủy lợi, thường xuyên tu sửa kênh mương, chăm sóc đồng ruộng. Tuy nhiên thời tiết hai vụ đông xuân và hè thu có nhiều diễn biến bất lợi.... nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng, sản lượng và năng suất lúa vẫn đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Sản lượng lúa cả năm 1977 đạt 78 tấn, năng suất lúa đạt 400 kg/bung. Diện tích các cây trồng vụ đông, cây hoa màu cũng được tăng cao, trong đó chủ yếu là cây sắn, cây ngô và cây đỗ tương. Chăn nuôi của xã cũng có bước phát triển do sản xuất lương thực và hoa màu được đảm bảo.

1. Trích theo Nghị quyết số 219-NQ/BT ngày 10-11-1975 của Huyện ủy Bạch Thông về công nhận Ban Chấp hành Chi ủy mới khóa 1975. Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã.

Thực hiện Chỉ thị 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tổ chức lại sản xuất”, Nghị quyết 21-NQ/HU (năm 1975) của Huyện ủy Bạch Thông sớm đưa nghề rừng trở thành ngành sản xuất chính, xã Nguyên Phúc và xã Huyền Tung được Huyện ủy chỉ đạo “mở rộng vùng trồng điền lúa và vùng lâm nghiệp nhằm tạo ra sự chuyển biến về sắp xếp, phân công lao động, hình thành cơ cấu ngành nghề mới, phong phú đa dạng hơn trong các hợp tác xã”¹. Các hợp tác xã Phương Hồng và Đồng Tiến đã từng bước đưa nghề rừng vào kinh doanh. Nguyên Phúc trở thành một trong những địa phương có phong trào trồng rừng khá nhất huyện². Trong 2 năm 1975-1976, xã đã trồng thêm một số diện tích rừng (100-200ha). Các chỉ tiêu về khai thác gỗ, củi nửa của xã đều đạt và vượt kế hoạch. Năm 1975, xã khai thác được 787m³ gỗ tròn, 577m³ củi gỗ và 200 tấn nửa giấy, sang năm 1976, sản lượng khai thác gỗ tròn tăng lên 1.235m³, củi gỗ 472m³, nửa giấy 253 tấn. Xã Nguyên Phúc có số lượng lao động lâm nghiệp khá lớn, thu nhập tương đối cao, bình quân một lao động đạt 1.000 đồng/năm³.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong lĩnh vực kinh tế, Chi bộ và chính quyền xã Nguyên Phúc cũng thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục, văn hóa, xã hội. Hệ thống giáo dục của xã được củng cố và kiện

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1975-2005)*, tr. 41.

2. Cùng với các địa phương khác là Vi Hương, Phương Linh, Tân Tiến và thị trấn Phủ Thông, tham khảo cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1975-2005)*, tr. 14.

3. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1975-2005)*, tr. 14.

toàn lại. Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư xây dựng, phục vụ nhu cầu học tập của con em trong xã. Nhà trường thường xuyên kết hợp cùng hội phụ nữ, đoàn thanh niên tổ chức vận động con em trong xã đến trường. Trạm y tế đẩy mạnh phong trào phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt trong công tác chăm sóc và bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Quán triệt Chỉ thị 214-CT/TW (năm 1974) của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 61-CT/BT (năm 1976) của Tỉnh ủy Bắc Thái về tiếp tục thực hiện cuộc vận động nếp sống mới, xã đã triển khai phong trào xây dựng 3 công trình vệ sinh là: giếng nước sạch, hố xí hai ngăn và nhà tắm, từng bước hình thành nếp sống sinh hoạt mới cho nhân dân. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin... cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng, trong giai đoạn 1975-1977, Chi bộ xã Nguyên Phúc triển khai kịp thời các nghị quyết của Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái và nghị quyết của Đảng bộ huyện Bạch Thông... Trong đó, trọng tâm là thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW ngày 26-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng". Qua cuộc vận động đã nâng cao chất lượng đảng viên. Những đảng viên mắc các khuyết điểm như: tham ô, móc ngoặc, lẩn tránh ruộng, lầy của công... đều được đưa ra xử lý dưới các hình thức khiển trách, cảnh cáo. Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được

củng cố, bổ sung thêm nhiều cán bộ trẻ có năng lực, quan điểm, lập trường giai cấp vững vàng. Cuộc vận động đã tăng cường đoàn kết trong Đảng, niềm tin vào Đảng của nhân dân các dân tộc, củng cố phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất.

Sự kiện chính trị ảnh hưởng to lớn đến đời sống nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc trong giai đoạn này là cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội cả nước. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị “Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước” (25-4-1976), Chi bộ và chính quyền xã tuyên truyền, vận động và tổ chức cho nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội. Nhân dân các dân tộc Nguyên Phúc đã hăng hái tham gia, đạt tỷ lệ 90%. Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7-1976. Quốc hội khóa VI họp và thống nhất đổi tên nước thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ủy ban hành chính các cấp đổi tên thành Ủy ban nhân dân các cấp.

Đầu năm 1977, Chi bộ xã Nguyên Phúc tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1977-1979. Đại hội nhấn mạnh việc sản xuất nông nghiệp cần áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đầu tư các công trình thủy lợi để tăng năng suất cây trồng. Đồng thời, tiếp tục khai thác thế mạnh về rừng, tổ chức giao đất giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh, phát triển giao thông nông thôn...

Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1977-1979 gồm 5 đồng chí. Ban Chi ủy bầu đồng chí Lưu Văn Lu giữ chức vụ Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Bường giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân Nguyên Phúc đã hăng hái tham gia phong trào làm thủy lợi, làm nương phai đắp đập, be bờ, dẫn nước vào đồng ruộng. Dù có nhiều cố gắng song do địa hình nhiều núi non hiểm trở, đến năm 1979 xã Nguyên Phúc vẫn còn một số diện tích ruộng thiếu nước, chính quyền xã đã chỉ đạo chuyển sang trồng màu. Năng suất và sản lượng lương thực của xã đều đạt khá. Đến năm 1979, sản lượng lương thực cả năm của xã đạt 79.990kg, năng suất lúa 442 kg/bung.

Quán triệt Nghị quyết 228-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 36-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về hình thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, năm 1977, hai hợp tác xã nông nghiệp Đồng Tiến và Phương Hồng được sáp nhập thành hợp tác xã Hồng Tiến. Hợp tác xã Hồng Tiến gồm có 9 đội sản xuất do đồng chí Trần Văn Bường - Chủ tịch Ủy ban kiêm Chủ nhiệm hợp tác xã lâm thời, năm 1978, đồng chí Hoàng Thọ Phúc được bầu làm Chủ nhiệm hợp tác xã, các đồng chí Dương Đình Thắc, Lý Hoàng Mạc - Phó Chủ nhiệm, Triệu Thị Hợi - Kế toán, Triệu Thị Cơi - Thủ quỹ. Hợp tác xã phát triển rất đa dạng các ngành nghề gồm: trồng trọt, chăn nuôi, khai thác lâm sản và trồng rừng, làm gạch, ngói, vôi... Năm 1979, hợp tác xã đã thực hiện xuống giống được 75.000 con cá các loại. Tổng thu 6 tháng đầu năm của 3 tổ gổ và nửa là 20.845,8 đồng, tổ vôi 2.486,55 đồng, xe trâu 254,5 đồng. Năm 1980, toàn xã có 205/212 hộ vào hợp tác xã

đạt 96,7%¹. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã cũng thường xuyên được xây dựng, tu sửa gồm: nhà kho, sân bãi, chuồng trại chăn nuôi tập trung, nhà ăn tập thể... Đời sống của xã viên từng bước được nâng cao.

Lâm nghiệp tiếp tục được Đảng bộ và chính quyền xã coi là một trong những trọng tâm ưu tiên phát triển của địa phương. Sản lượng khai thác gỗ ngày càng tăng cao. Năm 1979, tổ gỗ do ông Triệu Đức Danh làm tổ trưởng đã khai thác được 1.059,81m³ gỗ tròn, 406m³ củi, 627,5 tấn nứa. Qua sơ kết, tổ gỗ của ông Danh đạt 7.285,41 đồng, tổ gỗ của ông Triệu Ngọc Thìn đạt 4.127,53 đồng, tổ nứa của ông Hoàng Văn Phan đạt 9.332,81 đồng. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng cũng từng bước được thực hiện quy củ. Hợp tác xã Hồng Tiến thành lập đội tuần tra và bảo vệ rừng, thường xuyên tuyên truyền phổ biến, nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng cho nhân dân, đặc biệt trong mùa khô hạn. Năm 1979, xã trồng mới được 17,3ha bồ đề, đạt tỷ lệ sống 100%, diện tích rừng chăm sóc là 76,9ha.

Hàng năm, xã luôn cố gắng hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Năm 1980, xã thực hiện được 6.833kg thuế vụ hè, vượt chỉ tiêu huyện giao 333kg; thực hiện bán nghĩa vụ được 5.353kg, vượt chỉ tiêu 353kg. Trong cả năm 1980, hợp tác xã Hồng Tiến đã hoàn thành chỉ tiêu thuế là 12.964kg và nghĩa vụ 7.036kg.

Năm 1976, Hợp tác xã mua bán của xã được thành lập, địa điểm tại thôn Quăn do đồng chí Hà Văn Bộ làm Chủ

1. Tính theo nhân khẩu có 1.073/1.255 người vào hợp tác xã, bằng 85,5%.

nhiệm. Ban đầu, hợp tác xã mua bán gặp không ít có khăn do nguồn vốn huy động còn hạn chế, hàng hóa chủ yếu từ trên rót về, mang tính chất cửa hàng ủy thác của huyện.

Trải qua quá trình lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng... Chi bộ xã Nguyên Phúc ngày càng được củng cố, vững mạnh. Đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng rèn luyện và nâng cao phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức, thực sự trở thành những người phục vụ trung thành và tận tụy của nhân dân. Trước yêu cầu cần nâng cao hơn nữa tổ chức Đảng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của địa phương, năm 1978, Huyện ủy Bạch Thông ra quyết định thành lập Đảng bộ xã Nguyên Phúc gồm có 29 đảng viên, sinh hoạt trong 2 chi bộ là Phương Hồng và Đồng Tiến.

Từ cuối năm 1978, đầu năm 1979, tình hình chiến sự ở biên giới nước ta ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp. Tháng 2-1979, Trung Quốc xua 600.000 quân phát động chiến tranh trên toàn tuyến biên giới phía Bắc. Là địa phương tiếp giáp với các tỉnh biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn, vì vậy, nhân dân Nguyên Phúc nói riêng và tỉnh Bắc Thái nói chung có trọng trách lớn lao trong sự nghiệp chiến đấu, bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của đất nước.

Tại Đại hội Đảng bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1979-1981 đã nêu nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 5 đồng chí. Trong đó, đồng chí: Lưu Văn Lu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Trần Văn Bường giữ chức vụ Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Đảng ủy viên là các đồng chí Đinh Xuân Tác - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc,

Hoàng Thọ Phúc¹ - Phó Chủ tịch, Triệu Văn Thìn - Xã
Đội trưởng.

Sau Đại hội, Đảng bộ và chính quyền xã đã nhanh chóng lãnh đạo nhân dân tích cực chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu. Ban Chỉ huy quân sự xã huy động nhân dân tham gia làm đường chiến lược Bộc Bó (Pác Nặm), đào hầm, hào phòng thủ các tuyến tại địa phương và xây dựng trận địa phòng không. Đội Bạch đầu quân của xã mặc dù tuổi cao nhưng luôn đi đầu trong công tác luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ xóm làng. Ban Công an xã tích cực tuần tra canh gác đảm bảo trị an, an ninh xã hội, phát động nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”... Trạm xá xã Nguyên Phúc cũng lên kế hoạch về công tác tải thương và cứu thương khi chiến sự xảy ra. Thành lập Ban Cứu thương và tải thương gồm có 20 người và 2 Chi hội Chữ thập đỏ là: Chi hội trưởng cấp 1, 2 có 19 người, chi hội của xã gồm 8 người do đồng chí Hoàng Văn Nghiêm làm Trưởng ban.

Trên địa bàn Nguyên Phúc, các hộ người Hoa đã rút đi nơi khác. Một số hộ đi vào Nam, một số về Phủ Thông. Tình hình an ninh chính trị ở địa phương được đảm bảo. Các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của xã... đều phát triển ổn định. Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị số 08-CT/BT ngày 3-3-1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Việc đón tiếp, giúp đỡ đồng bào vùng có chiến sự đến sơ tán” nhân dân Nguyên Phúc đã đón tiếp

1. Năm 1979, đồng chí Phúc tái ngũ, đồng chí Phạm Mười lên thay.

nhiều hộ gia đình từ Cao Bằng xuống, tạo điều kiện về nơi ăn, chỗ ở, công việc làm để đồng bào tản cư nhanh chóng hòa nhập cuộc sống mới.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tham gia tích cực vào các hoạt động của địa phương. Mặt trận Tổ quốc xã phát huy vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, vận động mọi tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất. Đoàn Thanh niên với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” thu hút nhiều lượt đoàn viên, thanh niên tình nguyện đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tham gia các đội xung kích làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tổ chức giáo dục thiếu niên, nhi đồng... Hội Phụ nữ với phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” đã động viên chị em thi đua khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, động viên chồng con đi bộ đội, giúp đỡ các con em liệt sỹ.

Trong suốt 5 năm (1975-1980), tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Nguyên Phúc luôn nỗ lực hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội theo các nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đề ra. Kinh tế được khôi phục, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành, các ngành kinh tế nông - lâm nghiệp bước đầu phát huy thế mạnh về lao động, đất đai; cơ sở vật chất - kỹ thuật từng bước được hoàn thiện; công tác văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ mới; quốc phòng - an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, nhìn chung nền kinh tế của xã phát triển còn chậm, công tác quản lý kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, đời sống của nhân dân đã được cải thiện nhưng

vẫn còn các hộ thiếu đói... Thực tế đó đòi hỏi Đảng bộ cần chủ động tìm biện pháp giải quyết để đưa xã phát triển thêm một bước mới trong giai đoạn tiếp theo.

2. Thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW, bước đầu đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp (1981-1985)

Sau 20 năm miền Bắc thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực song trong những năm 80 của thế kỷ XX đã bộc lộ nhiều khuyết điểm, hạn chế, đặt ra yêu cầu cần được đổi mới.

Hoàn cảnh đất nước lúc này gặp nhiều khó khăn: viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng giảm; nhân dân ta phải chịu gánh nặng từ hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, phía Bắc và làm nghĩa vụ quốc tế đối với nước bạn Lào, Campuchia.

Nền kinh tế thiếu lương thực trầm trọng. Sản xuất không đáp ứng được nhu cầu trong nước. Nguyên nhân là do cách quản lý của hợp tác xã đã kìm hãm sự phát triển trong nông nghiệp, người nông dân không trực tiếp làm chủ ruộng đồng nên không thiết tha với sản xuất. Để tạo ra sự đột phá trong nông nghiệp, từ cuối năm 1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22-TB/TW về “Một số công tác trước mắt trong việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp và những vấn đề liên quan đến khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp”. Tiếp đó, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động”.

Chỉ thị đã nêu rõ mục đích khoán sản phẩm là “đảm bảo phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ

sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên”. Cải tiến công tác khoán là khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho mọi người gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Qua đó, đáp ứng được nguyện vọng, quyền lợi và quyền chủ động sản xuất cho người nông dân, thúc đẩy năng suất, hiệu quả lao động, làm cho sản xuất phát triển.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái đã ra Nghị quyết về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động; tiếp tục thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý lao động và cải tiến quản lý tài vụ trong hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1981, toàn tỉnh Bắc Thái bước vào triển khai thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW gọi tắt là “Khoán 100” với khí thế sôi nổi, khẩn trương và hiệu quả.

Cũng trong năm 1981, Đại hội Đảng bộ xã Nguyên Phúc nhiệm kỳ 1981-1983 được tổ chức tại hội trường Ủy ban nhân dân xã. Đại hội thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 1979-1981, khẳng định những kết quả đạt được, chỉ ra những yếu kém cần khắc phục. Đồng thời, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cho nhiệm kỳ tới nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các ngành nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân; tăng cường công tác xây dựng Đảng, công tác quốc phòng - an ninh và phát triển các đoàn thể quần chúng vững mạnh.